

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	500001	16031912	Hoàng Hà	An	02/03/1998	XHNV (NH)			
2	500002	16031434	Nguyễn Lê Vân	An	04/03/1998	XHNV (VH)			
3	500003	16030164	Nguyễn Thanh	An	29/03/1997	XHNV (CTH)			
4	500004	16030666	Nguyễn Thị	An	17/09/1997	XHNV (LTH)			
5	500005	16010501	Trần Thúy	An	03/02/1998	XHNV (SPNV)			
6	500006	16030935	Âu Thị Phương	Anh	16/06/1998	XHNV (QTKS)			
7	500007	16031201	Bùi Quỳnh	Anh	07/12/1998	XHNV (TLH)			
8	500008	16031529	Bùi Thị Lan	Anh	04/10/1998	XHNV (VNH)			
9	500009	16030785	Bùi Thị Ngọc	Anh	29/08/1998	XHNV (NH)			
10	500010	16031329	Bùi Trung	Anh	25/10/1998	XHNV (TH)			
11	500011	16030498	Cao Phương	Anh	25/09/1998	XHNV (KHQL)			
12	500012	16031994	Dương Thị Mai	Anh	04/09/1998	XHNV (LTH)			
13	500013	16031237	Dương Thị Tú	Anh	28/08/1998	XHNV (TLH)			
14	500014	16031085	Đặng Ngọc	Anh	26/08/1998	XHNV (QTH)			
15	500015	16031506	Đặng Phương	Anh	17/11/1998	XHNV (VNH)			
16	500016	16031178	Đặng Thị Lâm	Anh	15/02/1998	XHNV (TLH)			
17	500017	16031265	Đặng Thị Ngọc	Anh	03/06/1998	XHNV (TTH)			
18	500018	16031428	Đoàn Thị Vân	Anh	14/09/1997	XHNV (VH)			
19	500019	16010601	Đỗ Đức	Anh	13/10/1998	XHNV (SPLS)			
20	500020	16030957	Đỗ Phương	Anh	21/08/1998	XHNV (QTKS)			
21	500021	16031157	Đỗ Thị Phương	Anh	18/08/1998	XHNV (TLH)			
22	500022	16030515	Đường Việt	Anh	13/01/1998	XHNV (TTTV)			
23	500023	16030462	Hà Thị Phương	Anh	23/06/1998	XHNV (KHQL)			
24	500024	16031232	Hoàng Việt Ngọc	Anh	01/08/1998	XHNV (TLH)			
25	500025	16030121	Lê Kim	Anh	13/10/1998	XHNV (CTH)			
26	500026	16031179	Lê Minh	Anh	16/07/1998	XHNV (TLH)			
27	500027	16030777	Lê Ngọc	Anh	02/10/1998	XHNV (NH)			
28	500028	16031740	Lê Ngọc	Anh	26/10/1998	XHNV (DLLH)			
29	500029	16031429	Lê Thị Phương	Anh	04/11/1998	XHNV (VH)			
30	500030	16031710	Nghiêm Thị Mai	Anh	16/03/1998	XHNV (NNH)			
31	500031	16031266	Ngô Duy	Anh	08/08/1997	XHNV (TTH)			
32	500032	16031913	Ngô Nam	Anh	18/06/1997	XHNV (TTH)			
33	500033	16031739	Ngô Tuấn	Anh	19/03/1997	XHNV (DLLH)			
34	500034	16031278	Ngô Thị Vân	Anh	08/05/1998	XHNV (TGH)			

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
35	500035	16031831	Nguyễn Hoài	Anh	25/04/1998	XHNV (XHH)			
36	500036	16030596	Nguyễn Hoàng	Anh	25/06/1998	XHNV (LS)			
37	500037	16030668	Nguyễn Hoàng	Anh	24/09/1998	XHNV (LTH)			
38	500038	16030583	Nguyễn Lê Phương	Anh	20/02/1998	XHNV (LS)			
39	500039	16010507	Nguyễn Mai	Anh	21/05/1998	XHNV (SPNV)			
40	500040	16030771	Nguyễn Minh	Anh	07/06/1998	XHNV (NH)			
41	500041	16030943	Nguyễn Minh	Anh	21/02/1998	XHNV (QTKS)			
42	500042	16031212	Nguyễn Minh	Anh	01/06/1998	XHNV (TLH)			
43	500043	16030677	Nguyễn Ngọc	Anh	25/08/1998	XHNV (NNH)			
44	500044	16031432	Nguyễn Ngọc	Anh	07/08/1998	XHNV (VH)			
45	500045	16031127	Nguyễn Phương	Anh	26/02/1998	XHNV (QTH)			
46	500046	16031160	Nguyễn Phương	Anh	10/07/1998	XHNV (TLH)			
47	500047	16031833	Nguyễn Phương	Anh	02/12/1998	XHNV (XHH)			
48	500048	16031136	Nguyễn Quỳnh	Anh	31/07/1998	XHNV (QTH)			
49	500049	16030054	Nguyễn Tuấn	Anh	07/05/1998	XHNV (BC)			
50	500050	16030450	Nguyễn Thị Cẩm	Anh	27/12/1998	XHNV (KHQL)			
51	500051	16031609	Nguyễn Thị Hà	Anh	23/12/1998	XHNV (XHH)			
52	500052	16030744	Nguyễn Thị Huyền	Anh	03/01/1998	XHNV (NH)			
53	500053	16010504	Nguyễn Thị Lan	Anh	16/10/1997	XHNV (SPNV)			
54	500054	16030312	Nguyễn Thị Lan	Anh	28/08/1998	XHNV (CTXH)			
55	500055	16030465	Nguyễn Thị Lan	Anh	27/10/1998	XHNV (KHQL)			
56	500056	16031900	Nguyễn Thị Lan	Anh	24/10/1998	XHNV (XHH)			
57	500057	16030813	Nguyễn Thị Mai	Anh	17/12/1998	XHNV (QHCC)			
58	500058	16030080	Nguyễn Thị Nam	Anh	20/12/1997	XHNV (BC)			
59	500059	16010508	Nguyễn Thị Phương	Anh	17/11/1998	XHNV (SPNV)			
60	500060	16030349	Nguyễn Thị Phương	Anh	06/10/1998	XHNV (CTXH)			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Ngô Minh Thủy

ĐIỂM THI SỐ 3**(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)****Môn thi: Tiếng Anh****Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV****Phòng: 68 (HT2 Nhà B2)****Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017***Trang số 1*

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	500061	16031391	Nguyễn Thị Phương Anh	20/05/1998	XHNV (KHQL)			
2	500062	16031489	Nguyễn Thị Vàng Anh	18/01/1998	XHNV (VNH)			
3	500063	16010505	Nguyễn Thị Vân Anh	12/02/1997	XHNV (SPNV)			
4	500064	16031746	Nguyễn Thị Vân Anh	10/02/1997	XHNV (QTKS)			
5	500065	16030928	Nguyễn Thị Việt Anh	31/01/1998	XHNV (DLLH)			
6	500066	16030558	Nguyễn Vân Anh	30/08/1998	XHNV (LS)			
7	500067	16031662	Nguyễn Vũ Hoàng Anh	10/07/1998	XHNV (KHQL)			
8	500068	16030363	Phạm Ngọc Anh	02/08/1998	XHNV (CTXH)			
9	500069	16031665	Phạm Ngọc Anh	04/09/1998	XHNV (KHQL)			
10	500070	16031730	Phạm Ngọc Huyền Anh	08/05/1997	XHNV (QHCC)			
11	500071	16030433	Phạm Tú Anh	01/11/1998	XHNV (KHQL)			
12	500072	16010602	Phạm Thị Hiền Anh	25/06/1998	XHNV (SPLS)			
13	500073	16031166	Phạm Thị Tú Anh	03/04/1998	XHNV (TLH)			
14	500074	16031889	Phạm Vân Anh	13/07/1998	XHNV (TH)			
15	500075	16031210	Phan Thị Anh	16/11/1998	XHNV (TLH)			
16	500076	16030768	Phùng Thị Quỳnh Anh	06/02/1998	XHNV (NH)			
17	500077	16031685	Phùng Thị Vân Anh	19/10/1998	XHNV (LS)			
18	500078	16031463	Tăng Thị Lan Anh	22/03/1998	XHNV (VH)			
19	500079	16030470	Trần Phương Anh	26/01/1998	XHNV (KHQL)			
20	500080	16031940	Trần Thị Mai Anh	26/07/1998	XHNV (CTXH)			
21	500081	16031490	Trần Thị Vân Anh	03/03/1998	XHNV (VNH)			
22	500082	16030781	Văn Huệ Anh	06/11/1998	XHNV (NH)			
23	500083	16030060	Vũ Lâm Anh	09/11/1998	XHNV (BC)			
24	500084	16030042	Vũ Quỳnh Anh	11/02/1998	XHNV (BC)			
25	500085	16030331	Vũ Thị Kim Anh	05/12/1998	XHNV (CTXH)			
26	500086	16030473	Vũ Thị Ngọc Anh	29/01/1998	XHNV (KHQL)			
27	500087	16030565	Vũ Thị Phương Anh	18/11/1998	XHNV (LS)			
28	500088	16030101	Vũ Thị Trung Anh	14/09/1998	XHNV (CTH)			
29	500089	16031512	Đỗ Nguyệt Ánh	12/01/1998	XHNV (VNH)			
30	500090	16031243	Lương Thị Ngọc Ánh	21/10/1998	XHNV (TTH)			
31	500091	16032003	Ngô Thị Ngọc Ánh	22/07/1996	XHNV (TLH)			
32	500092	16031440	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/11/1998	XHNV (VH)			
33	500093	16030461	Đặng Gia Bách	10/05/1998	XHNV (KHQL)			
34	500094	16031349	Nguyễn Cao Bách	18/08/1998	XHNV (TH)			

Môn thi: Tiếng Anh**Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV****Phòng: 68 (HT2 Nhà B2)****Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017***Trang số 2*

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
35	500095	16031169	Bùi Thị Bích	03/08/1998	XHNV (TLH)			
36	500096	16030011	Nguyễn Ngọc Bích	17/04/1998	XHNV (BC)			
37	500097	16010511	Nguyễn Thị Minh Bích	20/09/1998	XHNV (SPNV)			
38	500098	16030014	Phạm Ngọc Bích	23/06/1998	XHNV (BC)			
39	500099	16030169	Nguyễn Thị Bình	19/01/1998	XHNV (CTH)			
40	500100	16030406	Phạm Thanh Bình	11/04/1995	XHNV (KHQL)			
41	500101	16031016	Vũ Thị Bình	20/03/1998	XHNV (QTVP)			
42	500102	16031149	Nghiêm Thị Bưởi	21/12/1998	XHNV (TLH)			
43	500103	16031087	Đỗ Hữu Công	07/04/1998	XHNV (QTH)			
44	500104	16030948	Phạm Thị Thu Cúc	27/02/1998	XHNV (QTKS)			
45	500105	16031252	Hoàng Trọng Thanh Cương	08/09/1998	XHNV (TTH)			
46	500106	16031946	Nguyễn Hoàng Trọng Cương	23/12/1996	XHNV (TLH)			
47	500107	16030953	Doãn Viêt Cường	28/08/1998	XHNV (QTKS)			
48	500108	16031355	Hà Viêt Cường	07/08/1998	XHNV (TH)			
49	500109	16010603	Đỗ Thị Chanh	22/01/1998	XHNV (SPLS)			
50	500110	16030803	Lê Thị Quỳnh Châm	26/02/1998	XHNV (QHCC)			
51	500111	16030884	Đinh Thị Kim Chi	16/01/1998	XHNV (DLLH)			
52	500112	16030952	Hoàng Thảo Chi	02/10/1998	XHNV (QTKS)			
53	500113	16010513	La Thị Kim Chi	21/02/1998	XHNV (SPNV)			
54	500114	16031143	Lê Vũ Linh Chi	20/02/1998	XHNV (TLH)			
55	500115	16030336	Lương Kim Chi	25/02/1997	XHNV (CTXH)			
56	500116	16031294	Nguyễn Phương Chi	03/03/1998	XHNV (TGH)			
57	500117	16031588	Nguyễn Thảo Chi	01/12/1998	XHNV (XHH)			
58	500118	16030772	Phạm Linh Chi	23/08/1998	XHNV (NH)			
59	500119	16030789	Trần Thị Chi	09/12/1998	XHNV (NH)			
60	500120	16010604	Vũ Thị Phương Chi	04/12/1998	XHNV (SPLS)			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Ngô Minh Thủy

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2
ĐIỂM THI SỐ 3
(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)**

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV**Phòng: 69 (HT3 Nhà B2)****Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017***Trang số 1*

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	500121	16031230	Nguyễn Bá Minh Chiến	03/07/1998	XHNV (TLH)			
2	500122	16030051	Nguyễn Trung Chiến	01/05/1998	XHNV (BC)			
3	500123	16031397	Phạm Kiều Chinh	23/10/1998	XHNV (VH)			
4	500124	16031352	Trần Bá Chung	27/10/1998	XHNV (TH)			
5	500125	16030513	Phạm Bá Dân	26/11/1997	XHNV (TTTT)			
6	500126	16031306	Nguyễn Minh Diệp	25/03/1998	XHNV (TGH)			
7	500127	16030491	Trần Ánh Diệp	12/03/1998	XHNV (KHQL)			
8	500128	16031029	Cao Thị Dung	16/02/1998	XHNV (QTVP)			
9	500129	16031737	Ngô Thị Dung	10/11/1998	XHNV (DLLH)			
10	500130	16030730	Nguyễn Thị Dung	06/11/1997	XHNV (NNH)			
11	500131	16030934	Nguyễn Thị Dung	15/05/1998	XHNV (QTKS)			
12	500132	16031305	Nguyễn Thị Thùy Dung	21/04/1998	XHNV (TGH)			
13	500133	16010605	Phạm Thị Thùy Dung	11/12/1998	XHNV (SPLS)			
14	500134	16031701	Trần Thị Dung	08/04/1998	XHNV (NNH)			
15	500135	16030856	Vũ Thuỳ Dung	19/04/1998	XHNV (DLLH)			
16	500136	16031955	Hà Anh Dũng	06/06/1997	XHNV (NH)			
17	500137	16030542	Nguyễn Hữu Dũng	11/02/1998	XHNV (LS)			
18	500138	16031518	Nguyễn Việt Dũng	26/12/1998	XHNV (VNH)			
19	500139	16031969	Phan Anh Dũng	03/07/1998	XHNV (TLH)			
20	500140	16030598	Đào Ngọc Duy	22/07/1998	XHNV (LS)			
21	500141	16030947	Hoàng Đức Duy	05/08/1998	XHNV (QTKS)			
22	500142	16031977	Bùi Thị Duyên	04/07/1997	XHNV (QHCC)			
23	500143	16031357	Chu Thị Mỹ Duyên	15/11/1998	XHNV (TH)			
24	500144	16030954	Lê Hải Duyên	05/02/1998	XHNV (QTKS)			
25	500145	16010515	Lê Thị Duyên	29/03/1998	XHNV (SPNV)			
26	500146	16031524	Nguyễn Thị Thúy Duyên	13/09/1998	XHNV (VNH)			
27	500147	16031990	Tô Thị Mỹ Duyên	04/08/1998	XHNV (DLLH)			
28	500148	16034993	Trần Thị Duyên	15/09/1998	XHNV (LS)			
29	500149	16010606	Vũ Thị Duyên	15/06/1997	XHNV (SPLS)			
30	500150	16031790	Lưu Thị Duyên	21/05/1998	XHNV (TTH)			
31	500151	16031060	Nguyễn Thị Duyên	14/02/1998	XHNV (QTH)			
32	500152	16010514	Hoàng Thị Thùy Dương	21/06/1998	XHNV (SPNV)			
33	500153	16032011	Nguyễn Thị Ánh Dương	13/04/1997	XHNV (TTH)			
34	500154	16031521	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	08/04/1998	XHNV (VNH)			

Môn thi: Tiếng Anh**Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV****Phòng: 69 (HT3 Nhà B2)****Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017***Trang số 2*

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
-----	-----	----------	-----------	--------------	----------------	--------	-------------------	-----------------

35	500155	16031481	Nguyễn Thị Thùy	Dương	02/07/1998	XHNV (VNH)			
36	500156	16030453	Nguyễn Văn	Dương	12/09/1997	XHNV (KHQL)			
37	500157	16031062	Vũ Thị Thùy	Dương	25/01/1998	XHNV (QTH)			
38	500158	16030776	Hà Linh	Đan	13/05/1998	XHNV (NH)			
39	500159	16030066	Nông Linh	Đan	05/01/1998	XHNV (BC)			
40	500160	16031317	Cao Minh	Đạt	15/03/1998	XHNV (TGH)			
41	500161	16030062	Đỗ Minh	Đạt	24/08/1998	XHNV (BC)			
42	500162	16031249	Nguyễn Quốc	Đạt	04/10/1998	XHNV (TTH)			
43	500163	16031953	Trần Thị	Định	20/07/1998	XHNV (LS)			
44	500164	16030958	Ngô Thị Thục	Đoan	10/02/1998	XHNV (QTKS)			
45	500165	16031406	Tạ Đình	Đoàn	06/07/1998	XHNV (VH)			
46	500166	16030018	Đào Minh	Đức	14/12/1998	XHNV (BC)			
47	500167	16030867	Đậu Trung	Đức	10/11/1998	XHNV (DLLH)			
48	500168	16031956	Ngô Minh	Đức	08/04/1996	XHNV (TLH)			
49	500169	16031098	Nguyễn Đường	Đức	05/03/1998	XHNV (QTH)			
50	500170	16031441	Phạm Thị	Đức	06/09/1997	XHNV (VH)			
51	500171	16030910	Tổng Xuân	Đức	21/06/1998	XHNV (DLLH)			
52	500172	16031706	Kiều Hương	Giang	09/03/1998	XHNV (NNH)			
53	500173	16031209	Mai Nhật	Giang	26/06/1998	XHNV (TLH)			
54	500174	16030574	Ngô Văn	Giang	28/03/1998	XHNV (LS)			
55	500175	16030451	Nguyễn Hương	Giang	24/01/1998	XHNV (KHQL)			
56	500176	16030543	Nguyễn Minh	Giang	31/12/1997	XHNV (LS)			
57	500177	16030623	Nguyễn Thị	Giang	24/03/1998	XHNV (LTH)			
58	500178	16030950	Nguyễn Thị Châu	Giang	07/09/1998	XHNV (QTKS)			
59	500179	16031928	Nguyễn Thị Hồng	Giang	01/05/1998	XHNV (XHH)			
60	500180	16030446	Nguyễn Thị Hương	Giang	10/06/1998	XHNV (KHQL)			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Ngô Minh Thủy

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2**

ĐIỂM THI SỐ 3

(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Phòng: 70 (HT4 Nhà B2)

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 1

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	500181	16030833	Nguyễn Thị Hương	Giang	02/02/1998	XHNV (QHCC)		
2	500182	16031007	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/02/1998	XHNV (QTVP)		
3	500183	16031963	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/07/1997	XHNV (QHCC)		
4	500184	16030805	Nguyễn Thị Ngọc	Giang	22/01/1998	XHNV (QHCC)		
5	500185	16030963	Nguyễn Thị Thu	Giang	03/01/1998	XHNV (QTKS)		
6	500186	16030015	Nguyễn Thị Trà	Giang	17/07/1998	XHNV (BC)		
7	500187	16030882	Phạm Thị	Giang	26/10/1998	XHNV (DLLH)		
8	500188	16031964	Phạm Thị Trà	Giang	07/09/1997	XHNV (QHCC)		
9	500189	16030401	Vũ Hương	Giang	12/01/1998	XHNV (KHQL)		
10	500190	16031112	Vũ Nhật	Giang	08/08/1998	XHNV (QTH)		
11	500191	16031566	Bùi Thị Thu	Hà	09/07/1998	XHNV (XHH)		
12	500192	16010517	Dương Thị Thu	Hà	21/02/1997	XHNV (SPNV)		
13	500193	16031430	Đình Thanh	Hà	15/03/1998	XHNV (VH)		
14	500194	16031005	Đình Thị	Hà	07/04/1998	XHNV (QTVP)		
15	500195	16031826	Đỗ Thị Thu	Hà	04/06/1998	XHNV (VNH)		
16	500196	16030415	Hoa Thị	Hà	11/11/1998	XHNV (KHQL)		
17	500197	16034994	Hoàng Thị	Hà	02/02/1998	XHNV (TTTV)		
18	500198	16030055	Lã Thu	Hà	31/08/1998	XHNV (BC)		
19	500199	16030839	Lê Ngọc	Hà	29/10/1998	XHNV (QHCC)		
20	500200	16031343	Lưu Thị Thúy	Hà	23/03/1998	XHNV (TH)		
21	500201	16031334	Mai Hồng	Hà	04/11/1998	XHNV (TH)		
22	500202	16031777	Nguyễn Diệp	Hà	01/08/1998	XHNV (TLH)		
23	500203	16031288	Nguyễn Phùng Việt	Hà	13/09/1998	XHNV (TGH)		
24	500204	16030755	Nguyễn Tấn	Hà	22/06/1998	XHNV (NH)		
25	500205	16030848	Nguyễn Thị Minh	Hà	08/03/1998	XHNV (QHCC)		
26	500206	16030120	Nguyễn Thị Thu	Hà	19/06/1998	XHNV (CTH)		
27	500207	16030412	Nguyễn Thị Thu	Hà	20/08/1998	XHNV (KHQL)		
28	500208	16031458	Nguyễn Thị Thu	Hà	24/03/1998	XHNV (VH)		
29	500209	16030065	Nguyễn Thu	Hà	18/12/1998	XHNV (BC)		
30	500210	16030100	Nguyễn Thúy	Hà	22/09/1998	XHNV (BC)		
31	500211	16031780	Tống Mỹ	Hà	22/06/1998	XHNV (TLH)		
32	500212	16031487	Thạch Thanh	Hà	04/07/1998	XHNV (VNH)		
33	500213	16010607	Trần Thị Thanh	Hà	15/02/1997	XHNV (SPLS)		
34	500214	16031563	Trương Thu	Hà	13/10/1998	XHNV (XHH)		

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 70 (HT4 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 2

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
35	500215	16030761	Viết Thị Thanh	Hà	19/11/1998	XHNV (NH)		
36	500216	16032004	Lê Hoài	Hạ	19/03/1998	XHNV (TLH)		

37	500217	16031437	Trần Thị Hạ	Hạ	17/04/1998	XHNV (VH)			
38	500218	16032021	Hứa Đức Hải	Hải	09/10/1998	XHNV (TTH)			
39	500219	16030979	Lê Thị Thanh	Hải	24/02/1998	XHNV (QTKS)			
40	500220	16031752	Nguyễn Tiến	Hải	14/02/1998	XHNV (QTVP)			
41	500221	16030746	Nguyễn Thanh	Hải	02/10/1998	XHNV (NH)			
42	500222	16030137	Nguyễn Thị Thanh	Hải	26/06/1998	XHNV (CTH)			
43	500223	16030335	Nguyễn Thị Thanh	Hải	18/08/1998	XHNV (CTXH)			
44	500224	16030097	Phạm Thị Mỹ	Hải	15/12/1998	XHNV (BC)			
45	500225	16031938	Bùi Thị Hạnh	Hạnh	02/04/1998	XHNV (KHQL)			
46	500226	16030802	Cao Thị Hạnh	Hạnh	14/06/1998	XHNV (QHCC)			
47	500227	16030084	Nguyễn Hoàng Mỹ	Hạnh	13/07/1998	XHNV (BC)			
48	500228	16030370	Nguyễn Thị Hạnh	Hạnh	18/04/1998	XHNV (CTXH)			
49	500229	16032018	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	15/10/1998	XHNV (VH)			
50	500230	16030113	Phạm Đức Hạnh	Hạnh	13/07/1998	XHNV (CTH)			
51	500231	16031461	Phạm Ngọc Hạnh	Hạnh	06/02/1998	XHNV (VH)			
52	500232	16030552	Phạm Thị Hạnh	Hạnh	19/08/1998	XHNV (LS)			
53	500233	16030664	Phạm Thị Hạnh	Hạnh	26/11/1998	XHNV (LTH)			
54	500234	16031775	Trần Thị Hạnh	Hạnh	09/09/1994	XHNV (TLH)			
55	500235	16031101	Vũ Hồng Hạnh	Hạnh	14/06/1998	XHNV (QTH)			
56	500236	16031256	Lê Đức Hào	Hào	23/07/1998	XHNV (TTH)			
57	500237	16031172	Nguyễn Thị Hoàn	Hào	28/08/1998	XHNV (TLH)			
58	500238	16010520	Nguyễn Thúy Hào	Hào	07/05/1998	XHNV (SPNV)			
59	500239	16031414	Phạm Hồng Hào	Hào	16/02/1998	XHNV (VH)			
60	500240	16010519	Dương Thu Hằng	Hằng	24/08/1998	XHNV (SPNV)			

Danh sách này có: sinh viên
 CBCT:.....
 Người ghi điểm:

Số dự thi:

CB chấm thi:.....

Số bài thi:

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

**TL. HIỆU TRƯỞNG
 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Ngô Minh Thủy

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
 KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2**

ĐIỂM THI SỐ 3

(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Phòng: 71 (HT5 Nhà B2)

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 1

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
-----	-----	----------	-----------	-----------	-------------	--------	----------------	--------------

1	500241	16031236	Đặng Thị Diệu	Hằng	10/02/1997	XHNV (TLH)			
2	500242	16031788	Đoàn Mai	Hằng	10/10/1998	XHNV (TTH)			
3	500243	16030504	Đỗ Thị Thúy	Hằng	12/09/1998	XHNV (TTTV)			
4	500244	16031987	Đỗ Thuý	Hằng	09/06/1998	XHNV (LTH)			
5	500245	16031054	Hoàng Thị Thuý	Hằng	08/08/1998	XHNV (QTH)			
6	500246	16030740	Lê Thu	Hằng	12/11/1997	XHNV (NNH)			
7	500247	16031469	Nguyễn Diệu	Hằng	07/10/1998	XHNV (VH)			
8	500248	16032008	Nguyễn Thanh	Hằng	16/02/1997	XHNV (TLH)			
9	500249	16031146	Nguyễn Thị	Hằng	22/06/1998	XHNV (TLH)			
10	500250	16031419	Nguyễn Thị	Hằng	18/12/1998	XHNV (VH)			
11	500251	16032031	Nguyễn Thị	Hằng	22/01/1998	XHNV (TTH)			
12	500252	16031448	Nguyễn Thị Minh	Hằng	05/09/1997	XHNV (VH)			
13	500253	16031436	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	19/08/1998	XHNV (VH)			
14	500254	16030849	Nguyễn Thu	Hằng	01/06/1998	XHNV (QHCC)			
15	500255	16031721	Nguyễn Thu	Hằng	11/09/1998	XHNV (QHCC)			
16	500256	16031239	Nguyễn Thúy	Hằng	12/11/1998	XHNV (TLH)			
17	500257	16030964	Phạm Thu	Hằng	28/02/1997	XHNV (QTKS)			
18	500258	16031090	Trần Thị	Hằng	28/02/1998	XHNV (QTH)			
19	500259	16010518	Trần Thị Thu	Hằng	10/12/1998	XHNV (SPNV)			
20	500260	16031473	Vũ Thị Thu	Hằng	03/10/1998	XHNV (VH)			
21	500261	16031570	Vũ Thu	Hằng	09/11/1998	XHNV (XHH)			
22	500262	16031023	An Thị	Hân	11/05/1998	XHNV (QTVP)			
23	500263	16030820	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	24/09/1998	XHNV (QHCC)			
24	500264	16031644	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	27/06/1998	XHNV (CTXH)			
25	500265	16031147	Lê Thị	Hậu	19/03/1998	XHNV (TLH)			
26	500266	16010608	Ngô Thị	Hậu	24/11/1998	XHNV (SPLS)			
27	500267	16030056	Nguyễn Thị Thúy	Hậu	20/04/1998	XHNV (BC)			
28	500268	16030712	Bùi Thu	Hiền	01/06/1998	XHNV (NNH)			
29	500269	16032026	Đặng Thúy	Hiền	23/07/1998	XHNV (LTH)			
30	500270	16030329	Đình Thu	Hiền	03/12/1998	XHNV (CTXH)			
31	500271	16031483	Đỗ Thị	Hiền	05/10/1998	XHNV (VNH)			
32	500272	16032029	Hà Thanh	Hiền	03/10/1998	XHNV (VH)			
33	500273	16031576	Hoàng Phụng	Hiền	10/02/1998	XHNV (XHH)			
34	500274	16031251	Lý Thị Thục	Hiền	15/03/1998	XHNV (TTH)			

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 71 (HT5 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 2

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
35	500275	16031973	Ngô Thị Thu	Hiền	XHNV (TTH)			
36	500276	16030028	Nguyễn Thị	Hiền	XHNV (BC)			
37	500277	16031277	Nguyễn Thị	Hiền	XHNV (TGH)			
38	500278	16030614	Nguyễn Thị Thu	Hiền	XHNV (LS)			

39	500279	16030577	Nguyễn Thúy	Hiền	30/08/1998	XHNV (LS)			
40	500280	16030134	Phạm Thu	Hiền	27/08/1998	XHNV (CTH)			
41	500281	16031567	Uông Thị	Hiền	05/02/1998	XHNV (XHH)			
42	500282	16031346	Lê Ngọc	Hiền	11/03/1998	XHNV (TH)			
43	500283	16031280	Trần Xuân	Hiệp	09/10/1998	XHNV (TGH)			
44	500284	16031363	Đỗ Minh	Hiếu	25/05/1998	XHNV (TH)			
45	500285	16031892	Lại Đăng	Hiếu	26/12/1998	XHNV (TLH)			
46	500286	16030050	Nguyễn Đức	Hiếu	15/06/1998	XHNV (BC)			
47	500287	16031004	Trần Phương	Hiếu	27/10/1998	XHNV (QTVP)			
48	500288	16030365	Vương Minh	Hiếu	08/12/1997	XHNV (CTXH)			
49	500289	16030806	Đoàn Thị	Hoa	19/07/1998	XHNV (QHCC)			
50	500290	16030333	Lê Kim	Hoa	15/04/1998	XHNV (CTXH)			
51	500291	16031681	Lê Thị	Hoa	25/01/1996	XHNV (LS)			
52	500292	16030804	Lương Thị	Hoa	28/04/1998	XHNV (QHCC)			
53	500293	16030324	Nguyễn Quỳnh	Hoa	28/05/1998	XHNV (CTXH)			
54	500294	16031195	Nguyễn Thị	Hoa	08/12/1998	XHNV (TLH)			
55	500295	16031272	Nguyễn Thị Mai	Hoa	25/08/1998	XHNV (TGH)			
56	500296	16031003	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	11/02/1998	XHNV (QTVP)			
57	500297	16031154	Nguyễn Thị Thúy	Hoa	16/06/1998	XHNV (TLH)			
58	500298	16031342	Phạm Thị Ngọc	Hoa	01/08/1998	XHNV (TH)			
59	500299	16030969	Vũ Minh	Hoa	23/01/1998	XHNV (QTKS)			
60	500300	16031002	Hoàng Thị	Hòa	09/10/1998	XHNV (QTVP)			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Ngô Minh Thủy

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2

ĐIỂM THI SỐ 3

(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Phòng: 72 (HT6 Nhà B2)

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 1

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	500301	16030034	Nguyễn Thị Hòa	10/06/1996	XHNV (BC)			
2	500302	16030367	Nguyễn Thị Hòa	02/01/1998	XHNV (CTXH)			

3	500303	16030869	Nguyễn Thị Hòa	Hòa	20/10/1998	XHNV (DLLH)			
4	500304	16030325	Nguyễn Thị Hồng	Hòa	05/06/1998	XHNV (CTXH)			
5	500305	16030900	Lương Thu Hoài	Hoài	01/11/1998	XHNV (DLLH)			
6	500306	16031018	Nguyễn Thị Minh	Hoài	14/06/1998	XHNV (QTVP)			
7	500307	16031930	Phạm Thị Hoài	Hoài	06/08/1998	XHNV (TTTT)			
8	500308	16031161	Nguyễn Văn Hoàn	Hoàn	22/09/1998	XHNV (TLH)			
9	500309	16031193	Đào Văn Hoàng	Hoàng	03/06/1998	XHNV (TLH)			
10	500310	16031082	Lê Việt Hoàng	Hoàng	23/11/1998	XHNV (QTH)			
11	500311	16031242	Nguyễn Huy Hoàng	Hoàng	18/02/1998	XHNV (TTH)			
12	500312	16031097	Nguyễn Tuấn Hoàng	Hoàng	21/11/1998	XHNV (QTH)			
13	500313	16031184	Vũ Minh Hoàng	Hoàng	01/03/1998	XHNV (TLH)			
14	500314	16031247	Vương Lê Tuyên Hoàng	Hoàng	08/08/1998	XHNV (TTH)			
15	500315	16031726	Trần Văn Hội	Hội	30/12/1998	XHNV (QHCC)			
16	500316	16030606	Nguyễn Thị Hồng	Hồng	17/05/1998	XHNV (LS)			
17	500317	16031761	Nguyễn Thị Thu Hồng	Hồng	25/05/1998	XHNV (QTH)			
18	500318	16030951	Trần Thị Hồng	Hồng	03/02/1998	XHNV (QTKS)			
19	500319	16031153	Trần Thị Ánh Hồng	Hồng	13/06/1998	XHNV (TLH)			
20	500320	16030633	Vũ Thị Hồng	Hồng	18/09/1998	XHNV (LTH)			
21	500321	16030762	Vũ Thị Ánh Hồng	Hồng	23/10/1998	XHNV (NH)			
22	500322	16031460	Hà Thị Hợp	Hợp	16/06/1998	XHNV (VH)			
23	500323	16030434	Lương Thị Thu Huệ	Huệ	28/03/1997	XHNV (KHQL)			
24	500324	16031541	Đậu Thị Huệ	Huệ	29/09/1998	XHNV (XHH)			
25	500325	16030651	Lê Thị Huệ	Huệ	02/07/1997	XHNV (LTH)			
26	500326	16031594	Nguyễn Thị Huệ	Huệ	28/06/1998	XHNV (XHH)			
27	500327	16031228	Trần Thị Huệ	Huệ	22/08/1998	XHNV (TLH)			
28	500328	16031395	Trịnh Thị Thu Huệ	Huệ	09/04/1998	XHNV (VH)			
29	500329	16031155	Nguyễn Văn Hùng	Hùng	27/08/1998	XHNV (TLH)			
30	500330	16030938	Trần Như Hùng	Hùng	08/11/1998	XHNV (QTKS)			
31	500331	16030035	Đình Tuấn Huy	Huy	15/08/1998	XHNV (BC)			
32	500332	16031257	Nguyễn Đức Huy	Huy	14/09/1998	XHNV (KHQL)			
33	500333	16030766	Nguyễn Ngọc Huy	Huy	18/08/1996	XHNV (NH)			
34	500334	16031735	Nguyễn Quang Huy	Huy	02/10/1998	XHNV (DLLH)			

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 72 (HT6 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 2

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
35	500335	16030346	Phan Quang Huy	31/07/1998	XHNV (CTXH)			
36	500336	16031546	Chu Thị Thanh Huyền	26/06/1998	XHNV (XHH)			
37	500337	16031771	Dương Ngọc Huyền	14/06/1998	XHNV (TLH)			
38	500338	16010612	Đặng Thị Huyền	10/11/1998	XHNV (SPLS)			
39	500339	16030316	Đỗ Thị Thúy Huyền	20/02/1998	XHNV (CTXH)			
40	500340	16031052	Giáp Thị Huyền	20/10/1998	XHNV (QTH)			

41	500341	16030022	Hà Thị	Huyền	03/03/1998	XHNV (BC)			
42	500342	16030520	Hoàng Khánh	Huyền	14/11/1998	XHNV (TTTT)			
43	500343	16030151	Hoàng Ngọc	Huyền	15/11/1998	XHNV (CTH)			
44	500344	16031181	Hoàng Ngọc	Huyền	19/12/1998	XHNV (TLH)			
45	500345	16031552	Hoàng Thu	Huyền	21/09/1998	XHNV (XHH)			
46	500346	16031498	Lê Thị Ngọc	Huyền	11/09/1998	XHNV (VNH)			
47	500347	16031027	Lưu Ngọc	Huyền	26/03/1998	XHNV (QTVP)			
48	500348	16030475	Ngô Thị Ngọc	Huyền	03/08/1998	XHNV (KHQL)			
49	500349	16030780	Nguyễn Khánh	Huyền	23/02/1998	XHNV (NH)			
50	500350	16031282	Nguyễn Minh	Huyền	18/11/1998	XHNV (TGH)			
51	500351	16031134	Nguyễn Thanh	Huyền	09/06/1997	XHNV (QTH)			
52	500352	16030146	Nguyễn Thị	Huyền	05/10/1998	XHNV (CTH)			
53	500353	16030315	Nguyễn Thị	Huyền	16/10/1998	XHNV (CTXH)			
54	500354	16031403	Nguyễn Thị	Huyền	15/01/1998	XHNV (KHQL)			
55	500355	16031496	Nguyễn Thị	Huyền	10/10/1997	XHNV (VNH)			
56	500356	16032035	Nguyễn Thị	Huyền	27/12/1998	XHNV (TTH)			
57	500357	16030750	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	21/06/1998	XHNV (NH)			
58	500358	16031066	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	25/12/1998	XHNV (QTH)			
59	500359	16031353	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	06/01/1998	XHNV (TH)			
60	500360	16031407	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	15/12/1997	XHNV (VH)			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Ngô Minh Thủy

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2**

ĐIỂM THI SỐ 3

Môn thi: Tiếng Anh

(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 73 (HT7 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 1

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	500361	16031547	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	15/08/1998	XHNV (XHH)		
2	500362	16031520	Nguyễn Thị Thu	Huyền	20/02/1998	XHNV (VNH)		
3	500363	16031950	Nguyễn Thị Thu	Huyền	11/07/1998	XHNV (KHQL)		
4	500364	16031021	Nguyễn Thị Thương	Huyền	28/10/1998	XHNV (QTVP)		

5	500365	16030457	Phùng Thị Thúy	Huyền	14/04/1998	XHNV (KHQL)			
6	500366	16031263	Quách Thị	Huyền	22/07/1997	XHNV (TTH)			
7	500367	16010526	Trần Ngọc	Huyền	25/01/1998	XHNV (SPNV)			
8	500368	16030652	Trần Thị	Huyền	25/08/1998	XHNV (LTH)			
9	500369	16031501	Trần Thị	Huyền	09/12/1998	XHNV (VNH)			
10	500370	16030438	Trần Thị Ngọc	Huyền	16/01/1998	XHNV (KHQL)			
11	500371	16010525	Trịnh Thanh	Huyền	07/06/1998	XHNV (SPNV)			
12	500372	16010524	Vũ Thị Thanh	Huyền	30/07/1998	XHNV (SPNV)			
13	500373	16031299	Lã Quốc	Hưng	19/09/1998	XHNV (TGH)			
14	500374	16031061	Đặng Thị	Hương	05/10/1998	XHNV (QTH)			
15	500375	16031603	Đỗ Hoàng Nguyệt	Hương	16/01/1998	XHNV (XHH)			
16	500376	16010522	Lê Lan	Hương	25/10/1998	XHNV (SPNV)			
17	500377	16030447	Lê Thị Mai	Hương	28/07/1998	XHNV (KHQL)			
18	500378	16031906	Lê Thị Thanh	Hương	09/03/1998	XHNV (VH)			
19	500379	16032013	Lương Thị	Hương	17/09/1997	XHNV (LTH)			
20	500380	16030880	Ninh Thị	Hương	12/10/1998	XHNV (DLLH)			
21	500381	16030738	Ngô Thị	Hương	25/11/1998	XHNV (NNH)			
22	500382	16010610	Nguyễn Hoàng	Hương	01/08/1998	XHNV (SPLS)			
23	500383	16031604	Nguyễn Nam	Hương	09/10/1998	XHNV (XHH)			
24	500384	16030079	Nguyễn Thị	Hương	29/03/1998	XHNV (BC)			
25	500385	16030489	Nguyễn Thị Lan	Hương	13/02/1998	XHNV (KHQL)			
26	500386	16030507	Nguyễn Thị Thu	Hương	05/03/1998	XHNV (TTTTV)			
27	500387	16030986	Nguyễn Thị Thu	Hương	21/01/1998	XHNV (QTKS)			
28	500388	16031519	Nguyễn Thị Thu	Hương	29/03/1998	XHNV (VNH)			
29	500389	16031534	Nguyễn Trần Lan	Hương	28/12/1998	XHNV (KHQL)			
30	500390	16030853	Phạm Thị	Hương	15/09/1998	XHNV (DLLH)			
31	500391	16031084	Phạm Thị	Hương	12/03/1997	XHNV (QTH)			
32	500392	16030629	Thái Thị Quỳnh	Hương	17/11/1998	XHNV (LTH)			
33	500393	16031324	Trần Thị Thu	Hương	06/10/1996	XHNV (TH)			
34	500394	16031667	Trịnh Thị Lan	Hương	01/02/1998	XHNV (KHQL)			

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 73 (HT7 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 2

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
35	500395	16030016	Trương Lan	Hương	07/09/1998	XHNV (BC)		
36	500396	16030835	Trương Thu	Hương	31/12/1998	XHNV (QHCC)		
37	500397	16030645	Vũ Lan	Hương	23/09/1998	XHNV (LTH)		
38	500398	16031575	Vũ Thị	Hương	22/07/1998	XHNV (XHH)		
39	500399	16031227	Vũ Thị Mai	Hương	31/05/1996	XHNV (TLH)		
40	500400	16030989	Vũ Thị Thu	Hương	09/08/1998	XHNV (QTKS)		
41	500401	16030966	Vương Lan	Hương	27/02/1998	XHNV (QTKS)		
42	500402	16030442	Lê Thị	Hường	03/07/1998	XHNV (KHQL)		

43	500403	16030425	Nguyễn Thị	Hường	15/02/1998	XHNV (KHQL)			
44	500404	16030638	Nguyễn Thị	Hường	07/06/1998	XHNV (LTH)			
45	500405	16031362	Nguyễn Thị	Hường	20/05/1998	XHNV (TH)			
46	500406	16030632	Nguyễn Thị Thúy	Hường	02/08/1998	XHNV (LTH)			
47	500407	16031415	Nguyễn Trọng	Hữu	03/11/1998	XHNV (VH)			
48	500408	16031611	Nguyễn Danh	Kiên	10/10/1998	XHNV (BC)			
49	500409	16030484	Phạm Trung	Kiên	12/01/1998	XHNV (KHQL)			
50	500410	16031978	Bùi Thị	Kiều	11/05/1997	XHNV (LTH)			
51	500411	16030731	Nguyễn Phương	Khanh	28/01/1998	XHNV (NNH)			
52	500412	16031241	Đình Quốc	Khánh	27/05/1998	XHNV (TTH)			
53	500413	16031907	Lê Duy	Khánh	25/11/1998	XHNV (QTVP)			
54	500414	16030161	Nguyễn Thị	Khánh	02/09/1998	XHNV (CTH)			
55	500415	16031214	Phạm Đỗ Ngọc	Khánh	05/07/1998	XHNV (TLH)			
56	500416	16030505	Vì Thị Ngọc	Khánh	04/11/1998	XHNV (TTTTV)			
57	500417	16030778	Nguyễn Tiến	Khoa	13/07/1998	XHNV (NH)			
58	500418	16031840	Bùi Kim	Khuyên	09/10/1998	XHNV (QTVP)			
59	500419	16031198	Hoàng Thị	Lan	27/07/1997	XHNV (TLH)			
60	500420	16030328	Nguyễn Thị	Lan	05/11/1998	XHNV (CTXH)			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Ngô Minh Thủy

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2**

ĐIỂM THI SỐ 3

(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Phòng: 74 (HT8 Nhà B2)

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 1

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	500421	16030745	Trần Thị	Lan	18/07/1998	XHNV (NH)		
2	500422	16031923	Phạm Thị	Làn	01/08/1998	XHNV (CTH)		
3	500423	16031471	Nguyễn Thị	Lán	23/05/1998	XHNV (VH)		
4	500424	16030932	Nguyễn Thị Thúy	Lành	23/08/1998	XHNV (QTKS)		
5	500425	16031296	Ngô Tùng	Lâm	01/02/1997	XHNV (TGH)		
6	500426	16030098	Nguyễn Trọng	Lâm	29/06/1998	XHNV (BC)		

7	500427	16031129	Trịnh Đình Lâm	Lâm	04/11/1998	XHNV (QTH)			
8	500428	16030660	Trương Đỗ Phương Lâm	Lâm	22/12/1998	XHNV (LTH)			
9	500429	16031954	Hoàng Thị Hà Lê	Lê	22/07/1998	XHNV (QHCC)			
10	500430	16030875	Nguyễn Ngọc Lê	Lê	15/01/1998	XHNV (DLLH)			
11	500431	16031253	Cù Thị Nhật Lệ	Lệ	14/01/1998	XHNV (TTH)			
12	500432	16030783	Hoàng Nhật Lệ	Lệ	08/10/1998	XHNV (NH)			
13	500433	16031034	Hoàng Thu Lệ	Lệ	09/05/1996	XHNV (QTVP)			
14	500434	16010613	Lưu Thị Lệ	Lệ	10/07/1998	XHNV (SPLS)			
15	500435	16031330	Đỗ Phương Liên	Liên	20/02/1998	XHNV (TH)			
16	500436	16031961	Hồ Thị Kim Liên	Liên	21/08/1998	XHNV (QHCC)			
17	500437	16010529	Lê Thị Liên	Liên	12/11/1998	XHNV (SPNV)			
18	500438	16031046	Nguyễn Thị Liên	Liên	10/02/1998	XHNV (QTVP)			
19	500439	16031554	Nguyễn Thị Ngọc Liên	Liên	21/04/1998	XHNV (XHH)			
20	500440	16030635	Dương Khánh Linh	Linh	17/03/1998	XHNV (LTH)			
21	500441	16031562	Dương Thùy Linh	Linh	23/10/1998	XHNV (XHH)			
22	500442	16031148	Đào Phan Thảo Linh	Linh	14/09/1998	XHNV (TLH)			
23	500443	16031311	Đào Thị Ánh Linh	Linh	27/02/1998	XHNV (TGH)			
24	500444	16030076	Đào Thị Thùy Linh	Linh	17/04/1998	XHNV (BC)			
25	500445	16030811	Đặng Mỹ Linh	Linh	20/09/1998	XHNV (QHCC)			
26	500446	16030038	Đặng Phương Linh	Linh	15/09/1998	XHNV (BC)			
27	500447	16031910	Đặng Thanh Mỹ Linh	Linh	03/01/1998	XHNV (TLH)			
28	500448	16031286	Đặng Thục Linh	Linh	04/01/1998	XHNV (TGH)			
29	500449	16031341	Đinh Thị Mỹ Linh	Linh	24/05/1998	XHNV (TH)			
30	500450	16031031	Đinh Thủy Linh	Linh	13/04/1997	XHNV (QTVP)			
31	500451	16010533	Đỗ Thị Linh	Linh	05/01/1998	XHNV (SPNV)			
32	500452	16030631	Hà Khánh Linh	Linh	09/06/1998	XHNV (LTH)			
33	500453	16030155	Hoàng Hải Linh	Linh	18/05/1998	XHNV (CTH)			
34	500454	16031401	Hoàng Ngọc Linh	Linh	16/02/1998	XHNV (VH)			

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 74 (HT8 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 2

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
35	500455	16030517	Hoàng Ngọc Mỹ Linh	01/05/1998	XHNV (TTTV)			
36	500456	16031234	Lại Khánh Linh	24/04/1998	XHNV (TLH)			
37	500457	16030123	Lê Khánh Linh	02/09/1998	XHNV (CTH)			
38	500458	16030734	Lê Khánh Linh	18/08/1998	XHNV (NNH)			
39	500459	16030971	Lê Phương Linh	25/08/1998	XHNV (QTKS)			
40	500460	16030627	Lê Thị Mỹ Linh	05/09/1998	XHNV (LTH)			
41	500461	16030841	Lê Trang Linh	06/07/1998	XHNV (QHCC)			
42	500462	16031164	Lương Thị Ngọc Linh	01/07/1998	XHNV (TLH)			
43	500463	16031424	Lưu Thị Phương Linh	20/01/1998	XHNV (VH)			
44	500464	16031835	Ma Kiều Linh	23/03/1997	XHNV (XHH)			

45	500465	16030064	Ma Thị Nhật	Linh	05/05/1997	XHNV (BC)			
46	500466	16030850	Mai Khánh	Linh	05/06/1998	XHNV (QHCC)			
47	500467	16031992	Mai Thị	Linh	20/05/1998	XHNV (QHCC)			
48	500468	16030069	Nghiêm Diệu	Linh	07/11/1998	XHNV (BC)			
49	500469	16031784	Nghiêm Ngọc	Linh	12/11/1998	XHNV (TTH)			
50	500470	16032016	Nghiêm Thị Khánh	Linh	28/01/1998	XHNV (QTVP)			
51	500471	16030968	Nguyễn Bá	Linh	06/01/1998	XHNV (QTKS)			
52	500472	16031392	Nguyễn Diệu	Linh	11/08/1998	XHNV (VH)			
53	500473	16031920	Nguyễn Diệu	Linh	19/05/1998	XHNV (NH)			
54	500474	16031957	Nguyễn Gia	Linh	27/03/1998	XHNV (KHQL)			
55	500475	16031404	Nguyễn Hải	Linh	05/02/1998	XHNV (VH)			
56	500476	16031762	Nguyễn Khánh	Linh	23/06/1998	XHNV (QTH)			
57	500477	16031663	Nguyễn Lê Khánh	Linh	09/04/1998	XHNV (KHQL)			
58	500478	16031664	Nguyễn Thế Ngọc	Linh	11/08/1998	XHNV (KHQL)			
59	500479	16031543	Nguyễn Thị	Linh	13/08/1998	XHNV (XHH)			
60	500480	16031454	Nguyễn Thị Diệu	Linh	10/10/1998	XHNV (VH)			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Ngô Minh Thủy

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2

ĐIỂM THI SỐ 3

(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Phòng: 75 (HT9 Nhà B2)

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 1

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	500481	16030017	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	10/11/1998	XHNV (BC)		
2	500482	16030636	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	11/03/1998	XHNV (LTH)		
3	500483	16031741	Nguyễn Thị Thủy	Linh	27/11/1998	XHNV (QTKS)		
4	500484	16031493	Nguyễn Thủy	Linh	21/09/1998	XHNV (VNH)		
5	500485	16031573	Nguyễn Thùy	Linh	06/05/1998	XHNV (XHH)		
6	500486	16030403	Nguyễn Trọng	Linh	22/11/1998	XHNV (KHQL)		
7	500487	16030402	Nguyễn Văn	Linh	29/06/1997	XHNV (KHQL)		
8	500488	16010534	Phạm Bùi Diệu	Linh	15/02/1998	XHNV (SPNV)		

9	500489	16030809	Phạm Tuấn	Linh	01/03/1998	XHNV (QHCC)			
10	500490	16030554	Phạm Thị Diệu	Linh	20/10/1998	XHNV (LS)			
11	500491	16030714	Phạm Thị Duy	Linh	27/04/1998	XHNV (NNH)			
12	500492	16030067	Phạm Thị Mỹ	Linh	10/09/1998	XHNV (BC)			
13	500493	16030422	Phạm Thị Thùy	Linh	25/02/1998	XHNV (KHQL)			
14	500494	16031696	Tạ Thùy	Linh	07/04/1998	XHNV (LTH)			
15	500495	16030345	Thạch Trang	Linh	28/10/1998	XHNV (CTXH)			
16	500496	16031936	Thên Diệu	Linh	16/07/1997	XHNV (CTXH)			
17	500497	16030940	Trần Anh Diệp	Linh	21/09/1998	XHNV (QTKS)			
18	500498	16030646	Trần Mỹ	Linh	18/01/1998	XHNV (LTH)			
19	500499	16010531	Trần Thị Khánh	Linh	18/01/1998	XHNV (SPNV)			
20	500500	16031092	Trần Thị Mỹ	Linh	14/04/1998	XHNV (QTH)			
21	500501	16031499	Trần Thị Thùy	Linh	08/05/1998	XHNV (VNH)			
22	500502	16030592	Trịnh Bùi Khánh	Linh	27/08/1998	XHNV (LS)			
23	500503	16031599	Trịnh Khánh	Linh	16/06/1996	XHNV (XHH)			
24	500504	16031159	Trương Quang	Linh	30/03/1998	XHNV (TLH)			
25	500505	16030150	Trương Thị Hải	Linh	05/03/1998	XHNV (CTH)			
26	500506	16030326	Vũ Mai	Linh	11/01/1998	XHNV (CTXH)			
27	500507	16030138	Vũ Thị Thùy	Linh	03/10/1998	XHNV (CTH)			
28	500508	16031248	Vương Thị	Linh	30/06/1998	XHNV (TTH)			
29	500509	16031898	Chu Thị	Loan	16/08/1998	XHNV (KHQL)			
30	500510	16030353	Đương Kim	Loan	21/11/1998	XHNV (CTXH)			
31	500511	16030429	Đương Phương	Loan	08/04/1998	XHNV (KHQL)			
32	500512	16010535	Nguyễn Thị	Loan	08/08/1998	XHNV (SPNV)			
33	500513	16031699	Nguyễn Thị Thanh	Loan	04/08/1998	XHNV (LTH)			
34	500514	16031175	Đương Ngô Hoàng	Long	13/09/1997	XHNV (TLH)			

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 75 (HT9 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 2

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
35	500515	16030497	Đặng Quốc	Long	14/09/1998	XHNV (KHQL)		
36	500516	16031017	Nguyễn Văn	Long	24/09/1998	XHNV (QTVP)		
37	500517	16031138	Quách Lý	Long	29/07/1998	XHNV (QTH)		
38	500518	16030088	Vũ Hoàng	Long	06/11/1998	XHNV (BC)		
39	500519	16031896	Nguyễn Thị	Lụa	16/03/1998	XHNV (LS)		
40	500520	16010537	Ngô Thị	Luyến	13/10/1998	XHNV (SPNV)		
41	500521	16031607	Hoàng Thị Hiền	Lương	03/06/1998	XHNV (XHH)		
42	500522	16031503	Nguyễn Thị	Lương	02/05/1998	XHNV (VNH)		
43	500523	16031505	Đào Thị Vân	Ly	18/07/1998	XHNV (VNH)		
44	500524	16031093	Đặng Thị Khánh	Ly	29/10/1998	XHNV (QTH)		
45	500525	16031412	Đỗ Ngọc	Ly	09/08/1998	XHNV (VH)		
46	500526	16031186	Đồng Hương	Ly	24/07/1998	XHNV (TLH)		

47	500527	16030907	Kiều Thị Hương	Ly	30/08/1998	XHNV (DLLH)			
48	500528	16031770	Nguyễn Khánh	Ly	07/08/1998	XHNV (QTH)			
49	500529	16030810	Trần Hương	Ly	10/01/1998	XHNV (QHCC)			
50	500530	16031744	Trần Thị Hương	Ly	02/05/1998	XHNV (QTKS)			
51	500531	16030582	Nguyễn Thị Hương	Lý	18/02/1998	XHNV (LS)			
52	500532	16030059	Phạm Thị	Lý	08/01/1998	XHNV (BC)			
53	500533	16031738	Lê Thị	Mai	28/11/1998	XHNV (DLLH)			
54	500534	16031200	Nguyễn Ngọc	Mai	14/09/1998	XHNV (TLH)			
55	500535	16031267	Nguyễn Phương	Mai	14/01/1997	XHNV (TTH)			
56	500536	16010538	Nguyễn Thị	Mai	11/05/1998	XHNV (SPNV)			
57	500537	16030553	Nguyễn Thị	Mai	30/01/1998	XHNV (LS)			
58	500538	16031553	Nguyễn Thị Hiền	Mai	07/07/1998	XHNV (XHH)			
59	500539	16030516	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	05/01/1998	XHNV (TTTV)			
60	500540	16031999	Trần Thị Phương	Mai	15/09/1998	XHNV (QHCC)			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Ngô Minh Thủy

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2
ĐIỂM THI SỐ 3

Môn thi: Tiếng Anh

(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 76 (HT10 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 1

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	500541	16031601	Trịnh Thị Xuân Mai	18/05/1998	XHNV (XHH)			
2	500542	16031774	Nguyễn Chí Mạnh	30/01/1998	XHNV (TLH)			
3	500543	16030127	Nguyễn Duy Mạnh	24/10/1998	XHNV (CTH)			
4	500544	16031919	Nguyễn Như Mạnh	15/06/1998	XHNV (TLH)			
5	500545	16032005	Nguyễn Thị Chiêu Mây	26/01/1998	XHNV (TLH)			
6	500546	16031494	Nguyễn Thị Tuyết Mây	13/05/1998	XHNV (VNH)			
7	500547	16030879	Phan Thị Mây	15/06/1998	XHNV (DLLH)			
8	500548	16031115	Nguyễn Thị Mên	01/07/1998	XHNV (QTH)			
9	500549	16031421	Nguyễn Huyền Mi	28/09/1998	XHNV (VH)			
10	500550	16030536	Nguyễn Thị Miên	03/02/1998	XHNV (LS)			

11	500551	16030823	Đỗ Quang	Minh	03/01/1998	XHNV (QHCC)			
12	500552	16031250	Lại Trường	Minh	08/06/1998	XHNV (TTH)			
13	500553	16030430	Lê Anh	Minh	13/12/1998	XHNV (KHQL)			
14	500554	16031213	Lê Đình	Minh	16/01/1998	XHNV (TLH)			
15	500555	16031393	Lê Hữu Phúc	Minh	07/09/1998	XHNV (VH)			
16	500556	16031216	Lê Xuân	Minh	03/01/1997	XHNV (TLH)			
17	500557	16031289	Ngô Quang	Minh	13/11/1998	XHNV (TGH)			
18	500558	16030083	Nguyễn Công	Minh	18/08/1998	XHNV (BC)			
19	500559	16030822	Nguyễn Lê Tuệ	Minh	15/11/1998	XHNV (QHCC)			
20	500560	16032014	Nguyễn Ngọc	Minh	10/08/1998	XHNV (LS)			
21	500561	16030348	Nguyễn Nhật	Minh	25/10/1998	XHNV (CTXH)			
22	500562	16031105	Phạm Nhật	Minh	06/11/1998	XHNV (QTH)			
23	500563	16031347	Triệu Nhật	Minh	26/09/1993	XHNV (TH)			
24	500564	16010617	Tạ Thị Hoài	Mong	13/06/1998	XHNV (SPLS)			
25	500565	16031587	Đỗ Thị	Mơ	02/11/1997	XHNV (XHH)			
26	500566	16031508	Nguyễn Thị Hồng	Mơ	01/10/1998	XHNV (VNH)			
27	500567	16031221	Đỗ Hà	My	02/08/1998	XHNV (TLH)			
28	500568	16030838	Lê Thảo	My	09/06/1998	XHNV (QHCC)			
29	500569	16031196	Lê Thị Hà	My	08/10/1998	XHNV (TLH)			
30	500570	16030826	Nguyễn Hà	My	09/02/1998	XHNV (QHCC)			
31	500571	16031039	Nguyễn Thị Trà	My	27/03/1998	XHNV (QTVP)			
32	500572	16010540	Nguyễn Trà	My	16/02/1998	XHNV (SPNV)			
33	500573	16030511	Phạm Hà	My	10/06/1998	XHNV (TTTTV)			
34	500574	16031595	Hồ Việt	Nam	23/09/1998	XHNV (XHH)			

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 76 (HT10 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 2

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
35	500575	16031683	Lê Thành	Nam	10/11/1997	XHNV (LS)			
36	500576	16031156	Lương Vũ	Nam	16/08/1998	XHNV (TLH)			
37	500577	16030043	Nguyễn Phương	Nam	23/10/1998	XHNV (BC)			
38	500578	16031572	Nguyễn Thành	Nam	22/05/1998	XHNV (XHH)			
39	500579	16030464	Trần Thảo	Nam	09/08/1998	XHNV (KHQL)			
40	500580	16031557	Trương Thành	Nam	20/08/1998	XHNV (XHH)			
41	500581	16030070	Đỗ Thị	Ninh	05/12/1998	XHNV (BC)			
42	500582	16031786	Nguyễn Khánh	Ninh	14/02/1998	XHNV (TTH)			
43	500583	16030665	Phùng Hoài	Ninh	23/03/1998	XHNV (LTH)			
44	500584	16031729	Tạ An	Ninh	10/09/1998	XHNV (QHCC)			
45	500585	16030723	Triệu Thị	Nụ	14/08/1998	XHNV (NNH)			
46	500586	16031283	Chu Thị	Nga	27/10/1998	XHNV (TGH)			
47	500587	16030046	Dương Thị Thu	Nga	22/06/1998	XHNV (BC)			
48	500588	15031570	Nguyễn Hồng	Nga	27/10/1994	XHNV (VH)			

49	500589	16010619	Nguyễn Thị Nga	Nga	01/07/1997	XHNV (SPLS)			
50	500590	16030096	Nguyễn Thị Nga	Nga	15/07/1997	XHNV (BC)			
51	500591	16031935	Nguyễn Thị Nga	Nga	11/01/1998	XHNV (QHCC)			
52	500592	16031818	Nguyễn Thị Thanh	Nga	25/08/1998	XHNV (VH)			
53	500593	16031903	Nguyễn Thị Thanh	Nga	22/02/1998	XHNV (VH)			
54	500594	16031244	Nguyễn Thị Thúy	Nga	05/05/1997	XHNV (TTH)			
55	500595	16031365	Nguyễn Vân	Nga	12/12/1998	XHNV (TH)			
56	500596	16030549	Tô Thị	Nga	02/07/1998	XHNV (LS)			
57	500597	16031925	Trịnh Quỳnh	Nga	13/11/1998	XHNV (NH)			
58	500598	16010620	Vũ Thị Thúy	Nga	13/06/1998	XHNV (SPLS)			
59	500599	16031728	Trương Thị Hồng	Ngát	17/12/1998	XHNV (QHCC)			
60	500600	16030116	Đỗ Thị	Ngân	30/10/1998	XHNV (CTH)			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Ngô Minh Thủy

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2
ĐIỂM THI SỐ 3**

Môn thi: Tiếng Anh

(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 77 (HT11 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 1

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	500601	16010542	Nguyễn Thị Ngân	25/10/1998	XHNV (SPNV)			
2	500602	16030445	Nguyễn Thị Ngân	17/10/1998	XHNV (KHQL)			
3	500603	16030759	Nguyễn Thị Kim Ngân	07/01/1998	XHNV (NH)			
4	500604	16031042	Nguyễn Thị Kim Ngân	16/01/1998	XHNV (QTVP)			
5	500605	16030318	Phạm Thị Diệu Ngân	02/12/1998	XHNV (CTXH)			
6	500606	16030975	Phạm Thị Kim Ngân	18/06/1998	XHNV (QTKS)			
7	500607	16031033	Trần Thị Ngân	02/09/1998	XHNV (QTVP)			
8	500608	16030929	Trịnh Thị Ngân	19/05/1998	XHNV (DLLH)			
9	500609	16031589	Nguyễn Đức Nghĩa	21/07/1998	XHNV (XHH)			
10	500610	16030870	Bùi Thị Thanh Ngoan	04/02/1998	XHNV (DLLH)			
11	500611	16030639	Dương Thị Minh Ngọc	01/05/1998	XHNV (LTH)			
12	500612	16031905	Đình Văn Ngọc	19/06/1998	XHNV (CTH)			

13	500613	16030605	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	10/07/1998	XHNV (LS)			
14	500614	16030322	Hoàng Thị Yến	Ngọc	12/09/1998	XHNV (CTXH)			
15	500615	16031368	Lê Thị Diệu	Ngọc	04/02/1998	XHNV (TH)			
16	500616	16030707	Nguyễn Bích	Ngọc	26/05/1998	XHNV (TLH)			
17	500617	16030074	Nguyễn Hồng	Ngọc	13/01/1998	XHNV (BC)			
18	500618	16010543	Nguyễn Thị	Ngọc	29/05/1998	XHNV (SPNV)			
19	500619	16031971	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	12/01/1997	XHNV (TTH)			
20	500620	16031933	Nguyễn Thị Như	Ngọc	28/03/1998	XHNV (NNH)			
21	500621	16031773	Phạm Lan	Ngọc	11/02/1997	XHNV (TLH)			
22	500622	16031502	Phạm Thị	Ngọc	07/08/1998	XHNV (VNH)			
23	500623	16030126	Phạm Thị Hồng	Ngọc	07/01/1998	XHNV (CTH)			
24	500624	16030625	Vũ Bảo	Ngọc	16/04/1997	XHNV (LTH)			
25	500625	16031965	Vũ Bích	Ngọc	01/08/1998	XHNV (QHCC)			
26	500626	16030588	Vũ Quang	Ngọc	29/12/1998	XHNV (LS)			
27	500627	16031605	Vũ Thị Hồng	Ngọc	13/04/1997	XHNV (XHH)			
28	500628	16031137	Nguyễn Thị	Nguyên	02/04/1998	XHNV (QTH)			
29	500629	16030602	Vũ Đức	Nguyên	12/09/1997	XHNV (LS)			
30	500630	16031246	Đỗ Minh	Nguyệt	27/11/1998	XHNV (TTH)			
31	500631	16031409	Lê Minh	Nguyệt	25/09/1998	XHNV (VH)			
32	500632	16030597	Ngô Thị Ánh	Nguyệt	12/03/1998	XHNV (LS)			
33	500633	16030049	Nguyễn Ánh	Nguyệt	01/06/1998	XHNV (BC)			
34	500634	16010544	Nguyễn Minh	Nguyệt	27/10/1998	XHNV (SPNV)			

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 77 (HT11 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 2

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
35	500635	16030689	Nguyễn Minh	Nguyệt	27/07/1997	XHNV (NNH)		
36	500636	16010621	Nguyễn Thị	Nguyệt	17/06/1998	XHNV (SPLS)		
37	500637	16031307	Nguyễn Thị	Nguyệt	03/06/1998	XHNV (TGH)		
38	500638	16031133	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	13/04/1998	XHNV (QTH)		
39	500639	16031558	Phạm Thị Minh	Nguyệt	14/05/1998	XHNV (XHH)		
40	500640	16030763	Vi Văn	Ngư	29/11/1996	XHNV (NH)		
41	500641	16031014	Nguyễn Thị	Nhài	30/09/1997	XHNV (QTVP)		
42	500642	16030455	Bùi Thị	Nhàn	27/01/1998	XHNV (KHQL)		
43	500643	16032030	Nguyễn Thị	Nhàn	17/02/1998	XHNV (LTH)		
44	500644	16031697	Lê Văn	Nhanh	02/03/1998	XHNV (LTH)		
45	500645	16031276	Phạm Thành	Nhân	24/06/1998	XHNV (TGH)		
46	500646	16032027	Lương Hùng	Nhất	03/01/1998	XHNV (QHCC)		
47	500647	16031722	Hoàng Hòa	Nhi	25/09/1998	XHNV (QHCC)		
48	500648	16031206	Nông Thị Yến	Nhi	02/01/1998	XHNV (TLH)		
49	500649	16031438	Trần Thảo	Nhi	25/11/1998	XHNV (VH)		
50	500650	16030040	Hà Thị	Nhiên	18/01/1997	XHNV (BC)		

51	500651	16031037	Bùi Thị Nhung	Nhung	22/05/1998	XHNV (QTVP)			
52	500652	16031688	Đặng Hồng Nhung	Nhung	14/11/1997	XHNV (LS)			
53	500653	16030622	Đỗ Thị Hồng Nhung	Nhung	08/12/1998	XHNV (LTH)			
54	500654	16031760	Hoàng Tuyết Nhung	Nhung	05/01/1998	XHNV (QTVP)			
55	500655	16031418	Hoàng Thị Hồng Nhung	Nhung	10/10/1998	XHNV (VH)			
56	500656	16030881	Lê Thị Nhung	Nhung	13/06/1998	XHNV (DLLH)			
57	500657	16031020	Lê Thị Quỳnh Nhung	Nhung	10/05/1997	XHNV (QTVP)			
58	500658	16031736	Mã Thị Nhung	Nhung	02/09/1997	XHNV (DLLH)			
59	500659	16031333	Ngô Thị Tuyết Nhung	Nhung	22/03/1998	XHNV (TH)			
60	500660	16031152	Nguyễn Cẩm Nhung	Nhung	05/07/1998	XHNV (TLH)			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Ngô Minh Thủy

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2**

ĐIỂM THI SỐ 3

(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Phòng: 78 (HT12 Nhà B2)

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 1

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	500661	16031203	Nguyễn Hồng Nhung	10/11/1997	XHNV (TLH)			
2	500662	16030418	Phạm Thị Hồng Nhung	06/09/1998	XHNV (KHQL)			
3	500663	16030008	Trần Thị Sâm Nhung	11/07/1998	XHNV (BC)			
4	500664	16030001	Trương Thị Hồng Nhung	05/04/1998	XHNV (BC)			
5	500665	16031904	Trương Thị Hồng Nhung	22/12/1998	XHNV (TTH)			
6	500666	16030352	Lục Thị Như	19/02/1998	XHNV (CTXH)			
7	500667	16030575	Trần Thị Lệ Như	20/11/1998	XHNV (LS)			
8	500668	16031369	Lò Thị Kiều Oanh	15/02/1998	XHNV (TH)			
9	500669	16031515	Nguyễn Thị Oanh	27/07/1998	XHNV (VNH)			
10	500670	16031934	Nguyễn Thị Oanh	01/04/1998	XHNV (CTH)			
11	500671	16010624	Nguyễn Thị Kiều Oanh	12/03/1997	XHNV (SPLS)			
12	500672	16010623	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	12/03/1997	XHNV (SPLS)			
13	500673	16030443	Phan Thị Oanh	11/06/1998	XHNV (KHQL)			
14	500674	16031270	Tạ Thị Kim Oanh	25/01/1998	XHNV (TTH)			

15	500675	16031096	Trần Thị Thu	Oanh	25/05/1998	XHNV (QTH)			
16	500676	16031787	Đỗ Lê Hồng	Phong	17/01/1998	XHNV (TTH)			
17	500677	16031513	Bùi Văn	Phúc	06/12/1998	XHNV (VNH)			
18	500678	16031763	Lê Anh	Phúc	11/03/1998	XHNV (QTH)			
19	500679	16031235	Lê Ngô Minh	Phúc	02/02/1998	XHNV (TLH)			
20	500680	16031516	Phùng Hồng	Phước	01/10/1998	XHNV (VNH)			
21	500681	16031814	Cần Thị Lan	Phương	15/12/1998	XHNV (VH)			
22	500682	16010548	Đào Thị Bích	Phương	03/04/1998	XHNV (SPNV)			
23	500683	16030112	Đặng Nguyên	Phương	03/01/1998	XHNV (CTH)			
24	500684	16031074	Đặng Thu	Phương	21/05/1998	XHNV (QTH)			
25	500685	16031010	Đỗ Thị Minh	Phương	01/01/1997	XHNV (QTVP)			
26	500686	16031708	Đỗ Thị Việt	Phương	13/06/1998	XHNV (NNH)			
27	500687	16030988	Đồng Minh	Phương	20/07/1998	XHNV (QTKS)			
28	500688	16030479	Hà Thị Minh	Phương	10/09/1998	XHNV (KHQL)			
29	500689	16030550	Hoàng Huệ	Phương	18/08/1998	XHNV (LS)			
30	500690	16030509	Hoàng Thị Hồng	Phương	20/03/1998	XHNV (TTTT)			
31	500691	16031354	Lê Thảo	Phương	30/12/1998	XHNV (TH)			
32	500692	16030359	Lê Thu	Phương	15/08/1998	XHNV (CTXH)			
33	500693	16030556	Mai Thảo	Phương	21/09/1998	XHNV (LS)			
34	500694	16031545	Nguyễn Lan	Phương	15/01/1998	XHNV (XHH)			

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 78 (HT12 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 2

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
35	500695	16030578	Nguyễn Mai	Phương	26/01/1998	XHNV (LS)		
36	500696	16030019	Nguyễn Tú	Phương	29/05/1998	XHNV (BC)		
37	500697	16030004	Nguyễn Thị	Phương	08/09/1998	XHNV (BC)		
38	500698	16030013	Nguyễn Thị	Phương	04/09/1998	XHNV (BC)		
39	500699	16031073	Nguyễn Thị	Phương	05/10/1998	XHNV (QTH)		
40	500700	16031921	Nguyễn Thị	Phương	22/07/1998	XHNV (VH)		
41	500701	16032006	Nguyễn Thị Bích	Phương	21/07/1998	XHNV (QHCC)		
42	500702	16010547	Nguyễn Thị Hoài	Phương	23/01/1998	XHNV (SPNV)		
43	500703	16031400	Nguyễn Thị Hoài	Phương	15/01/1998	XHNV (VH)		
44	500704	16030410	Nguyễn Thị Lan	Phương	11/08/1998	XHNV (KHQL)		
45	500705	16010546	Nguyễn Thị Thu	Phương	19/11/1998	XHNV (SPNV)		
46	500706	16031273	Nguyễn Thị Thu	Phương	15/06/1998	XHNV (TGH)		
47	500707	16031548	Nguyễn Thị Thu	Phương	28/08/1996	XHNV (XHH)		
48	500708	16031776	Nguyễn Việt	Phương	28/02/1997	XHNV (TLH)		
49	500709	16031911	Phạm Mai	Phương	23/09/1998	XHNV (TTH)		
50	500710	16031291	Phạm Thùy	Phương	13/10/1998	XHNV (TGH)		
51	500711	16031413	Trần Thị Huệ	Phương	09/12/1996	XHNV (VH)		
52	500712	16031832	Triệu Thị	Phương	27/07/1998	XHNV (XHH)		

53	500713	16031367	Vũ Hà	Phượng	27/03/1998	XHNV (TH)			
54	500714	16030157	Vũ Hồng	Phượng	23/11/1998	XHNV (CTH)			
55	500715	16031602	Vũ Thị Thanh	Phượng	08/10/1998	XHNV (XHH)			
56	500716	16030630	Vương Thu	Phượng	15/07/1998	XHNV (LTH)			
57	500717	16010549	Đào Hồng	Phượng		XHNV (SPNV)			
58	500718	16031517	Đỗ Thị	Phượng	21/08/1998	XHNV (VNH)			
59	500719	16030987	Lê Minh	Phượng	21/12/1998	XHNV (QTKS)			
60	500720	16031758	Mẫn Thị	Phượng	12/12/1998	XHNV (QTVP)			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Ngô Minh Thủy

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2

ĐIỂM THI SỐ 3

(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 79 (HT13 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 1

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	500721	16031967	Ngô Thị Phượng	04/07/1997	XHNV (TLH)			
2	500722	16030420	Nguyễn Thị Phượng	21/11/1998	XHNV (KHQL)			
3	500723	16030404	Nguyễn Thị Thúy Phượng	29/07/1998	XHNV (KHQL)			
4	500724	16030967	Đoàn Minh Quang	12/07/1998	XHNV (QTKS)			
5	500725	16031756	Luyện Thị Thuý Quang	01/11/1998	XHNV (QTVP)			
6	500726	16031274	Nguyễn Đức Quang	09/11/1998	XHNV (TGH)			
7	500727	16030977	Nguyễn Hữu Quang	20/06/1998	XHNV (QTKS)			
8	500728	16031358	Nguyễn Xuân Quang	24/10/1997	XHNV (TH)			
9	500729	16030341	Trần Tuấn Quang	05/09/1998	XHNV (CTXH)			
10	500730	16031968	Nguyễn Hồng Quân	22/06/1998	XHNV (TLH)			
11	500731	16030337	Nguyễn Anh Quốc	20/11/1998	XHNV (CTXH)			
12	500732	16030032	Hoàng Thị Tố Quyên	28/07/1998	XHNV (BC)			
13	500733	16031837	Nguyễn Hoàng Ngọc Quyên	12/02/1998	XHNV (XHH)			
14	500734	16030824	Nguyễn Hồng Lệ Quyên	20/02/1998	XHNV (QHCC)			
15	500735	16031089	Hà Văn Quyết	03/03/1998	XHNV (QTH)			
16	500736	16010551	Đào Hương Quỳnh	22/04/1998	XHNV (SPNV)			

17	500737	16031459	Đặng Thị Quỳnh	Quỳnh	15/03/1998	XHNV (VH)			
18	500738	16031932	Đinh Thị Quỳnh	Quỳnh	17/08/1998	XHNV (TLH)			
19	500739	16030468	Đinh Thị Mỹ Quỳnh	Quỳnh	26/06/1998	XHNV (KHQL)			
20	500740	16030725	Hoàng Hương Quỳnh	Quỳnh	06/11/1998	XHNV (NNH)			
21	500741	16031261	Hoàng Thị Quỳnh	Quỳnh	02/10/1998	XHNV (TTH)			
22	500742	16031335	Hoàng Thúy Quỳnh	Quỳnh	03/11/1998	XHNV (TH)			
23	500743	16010550	Lê Thu Quỳnh	Quỳnh	24/01/1998	XHNV (SPNV)			
24	500744	16031574	Mùi Diệp Quỳnh	Quỳnh	23/04/1998	XHNV (XHH)			
25	500745	16031208	Nguyễn Thị Quỳnh	Quỳnh	02/07/1998	XHNV (TLH)			
26	500746	16031819	Nguyễn Thị Quỳnh	Quỳnh	30/05/1998	XHNV (VH)			
27	500747	16031056	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Quỳnh	15/07/1998	XHNV (QTH)			
28	500748	16031996	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Quỳnh	16/05/1996	XHNV (KHQL)			
29	500749	16031779	Phạm Thị Hương Quỳnh	Quỳnh	03/06/1998	XHNV (TLH)			
30	500750	16031824	Phan Thị Quỳnh	Quỳnh	11/02/1998	XHNV (VNH)			
31	500751	16031929	Vũ Thị Như Quỳnh	Quỳnh	23/04/1998	XHNV (TTH)			
32	500752	16031309	Kim Thanh Sản	Sản	11/10/1998	XHNV (TGH)			
33	500753	16031800	Trần Thị Sao	Sao	30/06/1998	XHNV (TGH)			
34	500754	16031648	Trương Thị Sinh	Sinh	02/09/1998	XHNV (CTXH)			

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 79 (HT13 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 2

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
35	500755	16031641	Ngô Công Sơn	16/01/1998	XHNV (CTXH)			
36	500756	16030360	Nguyễn Tùng Sơn	02/09/1998	XHNV (CTXH)			
37	500757	16031972	Nguyễn Thanh Sơn	08/05/1998	XHNV (QHCC)			
38	500758	16031190	Nguyễn Thị Thu Sương	01/04/1998	XHNV (TLH)			
39	500759	16030827	Phạm Băng Sương	02/07/1998	XHNV (QHCC)			
40	500760	16030319	Ôn Văn Tạ	01/12/1997	XHNV (CTXH)			
41	500761	16031927	Phạm Quang Tài	21/08/1997	XHNV (VH)			
42	500762	16031398	Lê Hồng Tâm	18/11/1998	XHNV (VH)			
43	500763	16031076	Nguyễn Thị Tâm	04/09/1998	XHNV (QTH)			
44	500764	16030541	Nguyễn Thị Thanh Tâm	24/09/1998	XHNV (LS)			
45	500765	16030767	Nguyễn Thị Thanh Tâm	11/10/1998	XHNV (NH)			
46	500766	16031231	Nguyễn Thị Thanh Tâm	08/03/1998	XHNV (TLH)			
47	500767	16031121	Phạm Thanh Tâm	12/02/1997	XHNV (QTH)			
48	500768	16030825	Phạm Thị Minh Tâm	07/04/1998	XHNV (QHCC)			
49	500769	16031185	Phan Thị Tâm	23/04/1998	XHNV (TLH)			
50	500770	16030764	Trần Văn Tâm	22/11/1998	XHNV (NH)			
51	500771	16031488	Vũ Thị Tâm	12/05/1998	XHNV (VNH)			
52	500772	16030521	Vũ Thị Tân	05/07/1998	XHNV (TTTV)			
53	500773	16031560	Nguyễn Đặng Thủy Tiên	02/11/1998	XHNV (TLH)			
54	500774	16030756	Nguyễn Thủy Tiên	06/06/1998	XHNV (NH)			

55	500775	16030955	Trần Thị Thùy	Tiên	10/07/1998	XHNV (QTKS)			
56	500776	16030501	Phạm Đức	Tiên	13/11/1997	XHNV (TTTTV)			
57	500777	16030648	Trần Nguyễn Minh	Tiên	04/10/1998	XHNV (LTH)			
58	500778	16030911	Nguyễn Thị	Tình	01/10/1998	XHNV (DLLH)			
59	500779	16031980	Nguyễn Thị	Tình	09/08/1998	XHNV (TTH)			
60	500780	16031507	Nguyễn Công	Toại	23/06/1998	XHNV (VNH)			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Ngô Minh Thủy

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2

ĐIỂM THI SỐ 3

Môn thi: Tiếng Anh

(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 80 (HT14 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 1

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	500755	16031641	Ngô Công	Son	16/01/1998	XHNV (CTXH)			
2	500756	16030360	Nguyễn Tùng	Son	02/09/1998	XHNV (CTXH)			
3	500757	16031972	Nguyễn Thanh	Son	08/05/1998	XHNV (QHCC)			
4	500758	16031190	Nguyễn Thị Thu	Sương	01/04/1998	XHNV (TLH)			
5	500759	16030827	Phạm Băng	Sương	02/07/1998	XHNV (QHCC)			
6	500760	16030319	Ôn Văn	Tạ	01/12/1997	XHNV (CTXH)			
7	500761	16031927	Phạm Quang	Tài	21/08/1997	XHNV (VH)			
8	500762	16031398	Lê Hồng	Tâm	18/11/1998	XHNV (VH)			
9	500763	16031076	Nguyễn Thị	Tâm	04/09/1998	XHNV (QTH)			
10	500764	16030541	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	24/09/1998	XHNV (LS)			
11	500765	16030767	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	11/10/1998	XHNV (NH)			
12	500766	16031231	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	08/03/1998	XHNV (TLH)			
13	500767	16031121	Phạm Thanh	Tâm	12/02/1997	XHNV (QTH)			
14	500768	16030825	Phạm Thị Minh	Tâm	07/04/1998	XHNV (QHCC)			
15	500769	16031185	Phan Thị	Tâm	23/04/1998	XHNV (TLH)			
16	500770	16030764	Trần Văn	Tâm	22/11/1998	XHNV (NH)			
17	500771	16031488	Vũ Thị	Tâm	12/05/1998	XHNV (VNH)			
18	500772	16030521	Vũ Thị	Tân	05/07/1998	XHNV (TTTTV)			
19	500773	16031560	Nguyễn Đặng Thủy	Tiên	02/11/1998	XHNV (TLH)			

20	500774	16030756	Nguyễn Thủy	Tiên	06/06/1998	XHNV (NH)			
21	500775	16030955	Trần Thị Thủy	Tiên	10/07/1998	XHNV (QTKS)			
22	500776	16030501	Phạm Đức	Tiến	13/11/1997	XHNV (TTTT)			
23	500777	16030648	Trần Nguyễn Minh	Tiến	04/10/1998	XHNV (LTH)			
24	500778	16030911	Nguyễn Thị	Tình	01/10/1998	XHNV (DLLH)			
25	500779	16031980	Nguyễn Thị	Tình	09/08/1998	XHNV (TTH)			
26	500780	16031507	Nguyễn Công	Toại	23/06/1998	XHNV (VNH)			
27	500807	16031040	Nguyễn Thị	Thanh	15/05/1998	XHNV (QTVP)			
28	500808	16031966	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	17/09/1998	XHNV (KHQL)			
29	500809	16030012	Tạ Thị Ngọc	Thanh	12/08/1998	XHNV (BC)			
30	500810	16031822	Đàm Thị	Thành	25/12/1998	XHNV (VNH)			
31	500811	16031325	Đào Ngọc	Thành	06/08/1998	XHNV (TH)			
32	500812	16030124	Đặng Đức	Thành	03/04/1998	XHNV (CTH)			
33	500813	16031606	Khương Công	Thành	24/04/1998	XHNV (XHH)			
34	500814	16031275	Lê Trung	Thành	25/10/1998	XHNV (TGH)			
35	500815	16031426	Trần Trung	Thành	22/12/1998	XHNV (VH)			
36	500816	16030141	Bùi Phương	Thảo	24/06/1998	XHNV (CTH)			

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 80 (HT14 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 2

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
37	500817	16010554	Bùi Thị	Thảo		XHNV (SPNV)			
38	500818	16030314	Bùi Thị Phương	Thảo	10/06/1998	XHNV (CTXH)			
39	500819	16031045	Dương Thị	Thảo	01/10/1998	XHNV (QTVP)			
40	500820	16030972	Đào Thị Phương	Thảo	17/12/1998	XHNV (QTKS)			
41	500821	16031292	Đặng Thị Thu	Thảo	19/06/1998	XHNV (TGH)			
42	500822	16031891	Đinh Thị Phương	Thảo	13/01/1998	XHNV (NNH)			
43	500823	16030423	Đỗ Phương	Thảo	10/05/1998	XHNV (KHQL)			
44	500824	16031464	Đỗ Thạch	Thảo	26/05/1998	XHNV (VH)			
45	500825	16031915	Đỗ Thị Phương	Thảo	16/12/1998	XHNV (QTH)			
46	500826	16031962	Đỗ Thị Thu	Thảo	20/02/1998	XHNV (QHCC)			
47	500827	16030317	Hoàng Thị	Thảo	25/05/1998	XHNV (CTXH)			
48	500828	16031192	Hoàng Thị	Thảo	05/02/1998	XHNV (TLH)			
49	500829	16031531	Hoàng Thị Thu	Thảo	15/02/1997	XHNV (VNH)			
50	500830	16031238	Kiều Phương	Thảo	15/11/1998	XHNV (TLH)			
51	500831	16031035	Lê Phương	Thảo	28/10/1998	XHNV (QTVP)			
52	500832	16010553	Ngô Phương	Thảo	05/11/1998	XHNV (SPNV)			
53	500833	16031323	Ngô Phương	Thảo	10/02/1998	XHNV (TH)			
54	500834	16030439	Nguyễn Phương	Thảo	13/03/1998	XHNV (KHQL)			
55	500835	16030460	Nguyễn Phương	Thảo	25/01/1998	XHNV (KHQL)			
56	500836	16030994	Nguyễn Phương	Thảo	27/05/1998	XHNV (QTKS)			
57	500837	16031119	Nguyễn Thị	Thảo	16/06/1997	XHNV (QTH)			
58	500838	16030634	Nguyễn Thị Phương	Thảo	09/12/1998	XHNV (LTH)			
59	500839	16030463	Nguyễn Thị Thu	Thảo	09/10/1998	XHNV (KHQL)			
60	500840	16030364	Nguyễn Thu	Thảo	09/09/1998	XHNV (CTXH)			

61	500841	16030776	Hà Linh	Đan	13/05/1998	XHNV (NH)			
62	500842	16030615	Dương Thị Trân	Châu	24/10/1998	XHNV (LS)			
63	500843	16031682	Hồ Xuân	Bách	04/04/1998	XHNV (LS)			
64	500844	16031693	Phạm Thuý	Quỳnh	13/06/1997	XHNV (LTH)			
65	500845	16030983	Phạm Thái	Huy	03/12/1998	XHNV (DLKS)			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2
ĐIỂM THI SỐ 3

Môn thi: Tiếng Anh

(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 81 (P.107 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	500846	16031723	Nguyễn Thu	Thảo	15/11/1998	XHNV (QHCC)			
2	500847	16030739	Phạm Thị	Thảo	17/10/1998	XHNV (NNH)			
3	500848	16031009	Phạm Thị Thu	Thảo	22/12/1998	XHNV (QTVP)			
4	500849	16031695	Phạm Trúc Lệ	Thảo	01/09/1998	XHNV (LTH)			
5	500850	16030518	Trần Phương	Thảo	14/10/1998	XHNV (TTTTV)			
6	500851	16030976	Trần Phương	Thảo	06/07/1998	XHNV (QTKS)			
7	500852	16030728	Trần Thị	Thảo	05/03/1998	XHNV (NNH)			
8	500853	16030846	Trần Thị Phương	Thảo	25/03/1998	XHNV (QHCC)			
9	500854	16031402	Trần Thị Phương	Thảo	25/05/1998	XHNV (VH)			
10	500855	16031435	Vũ Phương	Thảo	05/10/1998	XHNV (VH)			
11	500856	16030009	Vũ Thị Hiếu	Thảo	15/04/1998	XHNV (BC)			
12	500857	16031150	Lê Thị Hồng	Thắm	25/10/1998	XHNV (TLH)			
13	500858	16030775	Nguyễn Thị	Thắm	15/06/1998	XHNV (NH)			
14	500859	16031068	Nguyễn Thị	Thắm	20/01/1998	XHNV (QTH)			
15	500860	16031734	Phạm Thị Hồng	Thắm	11/12/1998	XHNV (DLLH)			
16	500861	16030569	Đỗ Mạnh	Thắng	01/08/1998	XHNV (LS)			
17	500862	16031370	Ngô Đức	Thắng	10/12/1998	XHNV (TH)			
18	500863	16030071	Nguyễn Bá	Thắng	29/04/1998	XHNV (BC)			
19	500864	16031475	Nguyễn Thanh	Thắng	03/09/1998	XHNV (VH)			
20	500865	16031285	Nguyễn Xuân	Thắng	14/03/1998	XHNV (TGH)			

21	500866	16010555	Đặng Thị	Thêu	06/09/1998	XHNV (SPNV)			
22	500867	16031332	Hoàng Anh	Thi	10/04/1998	XHNV (TH)			
23	500868	16031271	Đỗ Đức	Thịnh	23/01/1998	XHNV (TGH)			
24	500869	16030796	Nguyễn Đức	Thịnh	20/11/1997	XHNV (NH)			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2**

ĐIỂM THI SỐ 3

Môn thi: Tiếng Anh

(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 82 (P.208 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	500870	16031366	Đào Ngọc	Thọ	23/12/1998	XHNV (TH)			
2	500871	16030718	Lương Thị	Thơ	18/09/1998	XHNV (NNH)			
3	500872	16031064	Nguyễn Thị Anh	Thơ	28/01/1998	XHNV (QTH)			
4	500873	16031874	Dương Thị	Thơm	28/09/1998	XHNV (BC)			
5	500874	16031755	Đàm Thị	Thơm	24/10/1998	XHNV (QTVP)			
6	500875	16031001	Nguyễn Thị	Thơm	05/04/1998	XHNV (QTVP)			
7	500876	16030409	Trần Thị	Thơm	28/10/1998	XHNV (KHQL)			
8	500877	16031351	Đình Thị	Thu	04/10/1998	XHNV (TH)			
9	500878	16030031	Đỗ Hoài	Thu	04/09/1998	XHNV (BC)			
10	500879	16031564	Đỗ Thị Minh	Thu	17/10/1998	XHNV (XHH)			
11	500880	16030624	Nguyễn Hà	Thu	08/12/1998	XHNV (LTH)			
12	500881	16031561	Nguyễn Hoài	Thu	27/09/1998	XHNV (XHH)			
13	500882	16031081	Nguyễn Thị	Thu	22/05/1998	XHNV (QTH)			
14	500883	16031550	Nguyễn Thị Hoài	Thu	29/05/1998	XHNV (XHH)			
15	500884	16031279	Nguyễn Vi Hà	Thu	28/06/1998	XHNV (TGH)			
16	500885	16031600	Vũ Thị Hà	Thu	20/08/1998	XHNV (XHH)			
17	500886	16031310	Bùi Thị	Thuy	02/04/1998	XHNV (TGH)			
18	500887	16031719	Nguyễn Thị	Thúy	02/11/1998	XHNV (NH)			
19	500888	16030854	Ninh Thị Phương	Thùy	20/07/1998	XHNV (DLLH)			
20	500889	16031044	Nguyễn Thị Phương	Thùy	08/10/1998	XHNV (QTVP)			
21	500890	16031293	Lưu Hồng	Thủy	21/07/1998	XHNV (TGH)			

22	500891	16031952	Ngô Thị	Thủy	25/11/1998	XHNV (TLH)			
23	500892	16030424	Nguyễn Thị	Thủy	01/12/1998	XHNV (KHQL)			
24	500893	16031549	Nguyễn Thị	Thủy	26/09/1998	XHNV (XHH)			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2**

ĐIỂM THI SỐ 3

Môn thi: Tiếng Anh

(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 83 (P.201 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	500894	16030852	Nguyễn Thị Thu	Thủy	19/03/1997	XHNV (DLLH)			
2	500895	16030114	Phạm Thị Thanh	Thủy	14/04/1997	XHNV (CTH)			
3	500896	16031985	Tổng Thị Thanh	Thủy	18/01/1998	XHNV (QHCC)			
4	500897	16030737	Trần Thị	Thủy	26/02/1998	XHNV (NNH)			
5	500898	16031703	Trần Thị Bích	Thủy	01/10/1998	XHNV (NNH)			
6	500899	16030053	Trần Thu	Thủy	19/01/1997	XHNV (BC)			
7	500900	16031989	Đỗ Thanh	Thúy	12/05/1998	XHNV (LTH)			
8	500901	16031140	Hoàng Diệu	Thúy	26/08/1998	XHNV (QTH)			
9	500902	16030610	Hoàng Phương	Thúy	08/02/1998	XHNV (LS)			
10	500903	16031727	Lê Thị	Thúy	01/06/1998	XHNV (QHCC)			
11	500904	16030503	Lương Thị	Thúy	25/09/1998	XHNV (TTTV)			
12	500905	16030650	Nguyễn Minh	Thúy	16/04/1997	XHNV (LTH)			
13	500906	16031821	Nguyễn Thị	Thúy	27/03/1998	XHNV (VNH)			
14	500907	16031484	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	24/05/1998	XHNV (VNH)			
15	500908	16030020	Tạ Thị Thanh	Thúy	25/02/1998	XHNV (BC)			
16	500909	16010559	Vũ Thị	Thúy	04/02/1992	XHNV (SPNV)			
17	500910	15034511	Đông Văn	Thuyết	10/07/1996	XHNV (QTKS)			
18	500911	16031834	Dương Anh	Thư	18/03/1998	XHNV (XHH)			
19	500912	16031053	Khúc Thanh Hà	Thư	31/10/1998	XHNV (QTH)			
20	500913	16031610	Lê Thị	Thư	22/10/1998	XHNV (XHH)			
21	500914	16030332	Lê Thị Anh	Thư	26/12/1998	XHNV (CTXH)			
22	500915	16031997	Lê Thị Kiều	Thư	02/10/1997	XHNV (LTH)			

23	500916	16031993	Lê Thị Kim	Thư	23/04/1998	XHNV (TTH)			
24	500917	16030044	Nguyễn Minh	Thư	23/02/1998	XHNV (BC)			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2

ĐIỂM THI SỐ 3

(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 84 (P.301 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	500918	16031528	Trịnh Thị	Thư	23/08/1998	XHNV (VNH)			
2	500919	16031100	Hoàng Trọng	Thức	28/10/1996	XHNV (QTH)			
3	500920	16030561	Hoàng Thị	Thương	21/09/1998	XHNV (LS)			
4	500921	16031986	Hoàng Thị	Thương	07/02/1997	XHNV (QHCC)			
5	500922	16030052	Lê Thảo	Thương	01/02/1998	XHNV (BC)			
6	500923	16030366	Lê Thị Hoài	Thương	11/03/1998	XHNV (CTXH)			
7	500924	16031559	Nguyễn Hoài	Thương	27/01/1998	XHNV (XHH)			
8	500925	16031556	Nguyễn Minh	Thương	11/09/1997	XHNV (XHH)			
9	500926	16030081	Nguyễn Thị	Thương	01/10/1997	XHNV (BC)			
10	500927	16010630	Hoàng Thúy	Trà	28/06/1998	XHNV (SPLS)			
11	500928	16031439	Ngô Hương	Trà	17/01/1998	XHNV (VH)			
12	500929	16031926	Ngô Thị Thu	Trà	30/05/1998	XHNV (TLH)			
13	500930	16031059	Nguyễn Thị Thu	Trà	06/06/1998	XHNV (QTH)			
14	500931	16031702	Nguyễn Thu	Trà	29/12/1998	XHNV (NNH)			
15	500932	16030048	Trần Thị Hương	Trà	10/01/1998	XHNV (BC)			
16	500933	16030105	Cao Thị	Trang	28/10/1998	XHNV (CTH)			
17	500934	16030567	Công Thu	Trang	21/01/1998	XHNV (LS)			
18	500935	16030642	Dương Quỳnh	Trang	24/07/1998	XHNV (LTH)			
19	500936	16030358	Đào Quỳnh	Trang	25/11/1998	XHNV (CTXH)			
20	500937	16030708	Đặng Thị Thu	Trang	02/03/1998	XHNV (NNH)			
21	500938	16030045	Đinh Quỳnh	Trang	23/09/1998	XHNV (BC)			
22	500939	16031205	Đỗ Thu	Trang	25/03/1998	XHNV (TLH)			
23	500940	16031456	Đỗ Thùy	Trang	28/03/1998	XHNV (VH)			

24	500941	16010562	Đường Thị Trang	Trang	14/02/1998	XHNV (SPNV)			
----	--------	----------	-----------------	-------	------------	-------------	--	--	--

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**Ngô Minh Thủy
DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2**

ĐIỂM THI SỐ 3

(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 85 (P.306 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 1

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	500942	16030807	Giang Huyền Trang	01/12/1998	XHNV (QHCC)			
2	500943	16031909	Hà Minh Trang	01/12/1998	XHNV (BC)			
3	500944	16030093	Hoàng Đỗ Thùy Trang	12/10/1998	XHNV (BC)			
4	500945	16031532	Hoàng Thị Huyền Trang	14/10/1998	XHNV (VNH)			
5	500946	16030956	Hoàng Thị Kiều Trang	17/09/1998	XHNV (QTKS)			
6	500947	16031991	Hoàng Thu Trang	06/07/1998	XHNV (LTH)			
7	500948	16030117	Lại Thị Huyền Trang	23/11/1998	XHNV (CTH)			
8	500949	16010565	Lê Thị Minh Trang	07/04/1998	XHNV (SPNV)			
9	500950	16030025	Lê Thùy Trang	28/07/1998	XHNV (BC)			
10	500951	16031225	Lò Phương Trang	15/06/1998	XHNV (TLH)			
11	500952	16030593	Lương Quỳnh Trang	23/12/1998	XHNV (LS)			
12	500953	16030688	Ngô Thị Thu Trang	26/12/1998	XHNV (NNH)			
13	500954	16031959	Nguyễn Anh Trang	29/11/1997	XHNV (QHCC)			
14	500955	16010564	Nguyễn Linh Trang	25/07/1997	XHNV (SPNV)			
15	500956	16010561	Nguyễn Quỳnh Trang	14/02/1998	XHNV (SPNV)			
16	500957	16031141	Nguyễn Quỳnh Trang	17/09/1998	XHNV (TLH)			
17	500958	16030885	Nguyễn Thị Trang	19/12/1998	XHNV (DLLH)			
18	500959	16030327	Nguyễn Thị Huyền Trang	20/09/1998	XHNV (CTXH)			
19	500960	16031500	Nguyễn Thị Huyền Trang	09/06/1998	XHNV (VNH)			
20	500961	16030502	Nguyễn Thị Minh Trang	22/04/1998	XHNV (TTTTV)			
21	500962	16032017	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	24/01/1998	XHNV (XHH)			
22	500963	16030156	Nguyễn Thị Tú Trang	06/03/1998	XHNV (CTH)			

23	500964	16010563	Nguyễn Thị Thu	Trang	19/09/1998	XHNV (SPNV)			
24	500965	16030477	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/12/1998	XHNV (KHQL)			

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 85 (P.306 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 2

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
25	500966	16031364	Nguyễn Thị Thu Trang	18/12/1998	XHNV (TH)			
26	500967	16031598	Nguyễn Thị Thu Trang	23/10/1998	XHNV (XHH)			
27	500968	16031302	Nguyễn Thị Thùy Trang	13/09/1998	XHNV (TGH)			
28	500969	16010560	Nguyễn Thu Trang	30/11/1998	XHNV (SPNV)			
29	500970	16030573	Nguyễn Thu Trang	01/06/1998	XHNV (LS)			
30	500971	16030797	Nguyễn Thu Trang	31/10/1998	XHNV (NH)			
31	500972	16031057	Nguyễn Thu Trang	31/03/1998	XHNV (QTH)			
32	500973	16031668	Nguyễn Thu Trang	11/06/1998	XHNV (KHQL)			
33	500974	16030669	Nguyễn Thùy Trang	02/12/1998	XHNV (LTH)			
34	500975	16031297	Phạm Thị Trang	27/09/1998	XHNV (TGH)			
35	500976	16030368	Quách Thị Trang	05/06/1998	XHNV (CTXH)			
36	500977	16010632	Tô Thu Trang	19/04/1998	XHNV (SPLS)			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Ngô Minh Thủy

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2

ĐIỂM THI SỐ 3

Môn thi: Tiếng Anh

(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 86 (P.402 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 1

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	500978	16031108	Trần Huyền	Trang	23/02/1998	XHNV (QTH)			
2	500979	16030942	Trần Thị Thu	Trang	02/06/1998	XHNV (QTKS)			
3	500980	16030092	Vũ Hà	Trang	14/09/1998	XHNV (BC)			
4	500981	16032019	Hoàng Thị Quỳnh	Trâm	12/10/1998	XHNV (DLLH)			
5	500982	16030099	Mai Ngọc	Trâm	18/06/1998	XHNV (BC)			
6	500983	16030706	Phí Ngọc	Trâm	17/10/1998	XHNV (NNH)			
7	500984	16030616	Lê Dương	Trí	01/02/1997	XHNV (LS)			
8	500985	16030467	Chu Kiều	Trình	27/05/1998	XHNV (KHQL)			
9	500986	16030982	Nguyễn Việt	Trình	13/04/1998	XHNV (QTKS)			
10	500987	16030459	Nguyễn Thị	Trọng	10/04/1998	XHNV (KHQL)			
11	500988	16030814	Trần Thị Thanh	Trúc	14/03/1997	XHNV (QHCC)			
12	500989	16031525	Đặng Quốc	Trung	16/09/1998	XHNV (VNH)			
13	500990	16030572	Nguyễn Đức	Trung	13/12/1998	XHNV (LS)			
14	500991	16030547	Nguyễn Hà	Trung	14/08/1998	XHNV (LS)			
15	500992	16030339	Hoàng Thị Kiều	Trung	13/08/1998	XHNV (CTXH)			
16	500993	16031555	Hà Việt	Trường	24/01/1998	XHNV (TLH)			
17	500994	16031510	Bùi Cẩm	Uyên	18/03/1998	XHNV (VNH)			
18	500995	16031144	Hà Thị Tố	Uyên	18/09/1998	XHNV (TLH)			
19	500996	16030313	Hoàng Thị	Uyên	01/11/1998	XHNV (CTXH)			
20	500997	16030158	Lê Thị Tố	Uyên	01/10/1998	XHNV (CTH)			
21	500998	16030495	Ngọc Thị	Uyên	07/11/1998	XHNV (KHQL)			
22	500999	16030472	Nguyễn Tô Phương	Uyên	17/11/1998	XHNV (KHQL)			
23	501000	16030621	Nguyễn Thị Tố	Uyên	26/09/1998	XHNV (LTH)			
24	501001	16030973	Phạm Thị	Uyên	31/01/1998	XHNV (QTKS)			

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 86 (P.402 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 2

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
25	501002	16031542	Tô Thị Tố Uyên	15/12/1998	XHNV (XHH)			
26	501003	16030437	Vũ Thị Uyên	27/06/1998	XHNV (KHQL)			
27	501004	16010569	Nguyễn Thị Thu Vàng	17/01/1998	XHNV (SPNV)			
28	501005	16031485	Đào Thị Thu Vân	19/10/1998	XHNV (VNH)			
29	501006	16030619	Đinh Thị Vân	16/06/1998	XHNV (LS)			
30	501007	16030816	Đinh Thị Vân	20/03/1998	XHNV (QHCC)			
31	501008	16031893	Đỗ Thanh Vân	28/09/1998	XHNV (DLLH)			
32	501009	16030733	Lê Thị Vân	26/05/1998	XHNV (NNH)			
33	501010	16030162	Lý Thị Thu Vân	21/01/1998	XHNV (CTH)			
34	501011	16010567	Nguyễn Hồng Vân	10/02/1998	XHNV (SPNV)			
35	501012	16031897	Nguyễn Thanh Vân	03/11/1998	XHNV (LTH)			
36	501013	16010568	Nguyễn Thị Vân	12/01/1998	XHNV (SPNV)			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Ngô Minh Thủy

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH & KẾT QUẢ THI
KÌ THI SÁT HẠCH TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH Bậc 2

ĐIỂM THI SỐ 3

Môn thi: Tiếng Anh

(NHÀ B2- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ)

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Phòng: 87 (P.408 Nhà B2)

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Trang số 1

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
1	501014	16030356	Nguyễn Thị Vân	16/08/1998	XHNV (CTXH)			
2	501015	16031698	Nguyễn Thị Vân	09/04/1998	XHNV (LTH)			
3	501016	16031182	Nguyễn Thị Khánh Vân	24/03/1998	XHNV (TLH)			
4	501017	16030026	Nguyễn Thị Ngọc Vân	26/05/1998	XHNV (BC)			
5	501018	16031608	Tạ Mỹ Vân	13/01/1998	XHNV (XHH)			
6	501019	16031431	Lê Hà Vi	22/09/1998	XHNV (VH)			
7	501020	16031495	Nguyễn Phương Tường Vi	08/05/1998	XHNV (VNH)			
8	501021	16031142	Nông Thị Viễn	28/02/1997	XHNV (TLH)			
9	501022	16031295	Ngô Anh Việt	23/02/1998	XHNV (TGH)			
10	501023	16031922	Phùng Thị Xuân Việt	07/03/1998	XHNV (VH)			
11	501024	16030786	Vũ Thế Việt	24/08/1995	XHNV (NH)			
12	501025	16030946	Dương Quang Vinh	19/06/1998	XHNV (QTKS)			
13	501026	16030604	Đình Hải Vinh	24/02/1998	XHNV (LS)			
14	501027	16031970	Phạm Thị Hồng Vinh	26/03/1998	XHNV (TTH)			
15	501028	16031080	Nguyễn Hoàng Vũ	21/03/1998	XHNV (QTH)			
16	501029	16031916	Lê Duy Vương	19/06/1998	XHNV (CTH)			
17	501030	16010638	Đỗ Thị Hà Vy	22/10/1998	XHNV (SPLS)			
18	501031	16030544	Nguyễn Mai Thảo Vy	24/07/1998	XHNV (LS)			
19	501032	16031725	Vi Thị Lê Vy	02/09/1997	XHNV (QHCC)			
20	501033	16031322	Đoàn Thị Ánh Xuân	25/02/1998	XHNV (TH)			
21	501034	16030829	Ngô Thị Dân Xuân	07/02/1998	XHNV (QHCC)			
22	501035	16031998	Nguyễn Thị Thanh Xuân	04/04/1997	XHNV (TLH)			
23	501036	16031947	Nguyễn Thị Xuyến	26/10/1998	XHNV (TTH)			
24	501037	16031772	Đông Thị Bảo Yến	14/01/1997	XHNV (TLH)			
25	501038	16030659	Giáp Thị Hải Yến	25/02/1998	XHNV (LTH)			
26	501039	16031420	Hoàng Thị Yến	22/08/1998	XHNV (VH)			
27	501040	16030485	Hoàng Thị Hải Yến	06/07/1998	XHNV (KHQL)			
28	501041	16030815	Hoàng Thị Hải Yến	18/09/1998	XHNV (QHCC)			

Môn thi: Tiếng Anh

Đối tượng: Sinh viên Trường ĐH KHXH&NV

Ngày thi: 19 tháng 3 năm 2017

Phòng: 87 (P.408 Nhà B2)

Trang số 2

STT	SBD	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	Trường Khoa	CHỮ KÝ	ĐIỂM (BẢNG SỐ)	Đạt trình độ
29	501042	16031331	Kiều Thị	Yến	18/09/1997	XHNV (TH)			
30	501043	16031281	Lê Hải	Yến	03/11/1998	XHNV (TGH)			
31	501044	16030847	Nông Thị Hải	Yến	19/07/1997	XHNV (QHCC)			
32	501045	16031176	Nguyễn Hải	Yến	26/08/1998	XHNV (TLH)			
33	501046	16030023	Nguyễn Thị	Yến	06/09/1998	XHNV (BC)			
34	501047	16030500	Nguyễn Thị	Yến	03/11/1998	XHNV (KHQL)			
35	501048	16030747	Nguyễn Thị Hải	Yến	18/02/1998	XHNV (NH)			
36	501049	16030444	Nguyễn Thị Thu	Yến	11/10/1998	XHNV (KHQL)			
37	501050	16031958	Phạm Thị	Yến	25/10/1997	XHNV (TLH)			
38	501051	16031371	Phan Thị	Yến	12/11/1998	XHNV (TH)			
39	501052	16030694	Vi Hải	Yến	23/06/1998	XHNV (NNH)			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

CBCT:.....

CB chấm thi:..... Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Người ghi điểm:

**TL. HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

Ngô Minh Thủy